

Số: 10/2025/TGG/CBTT

TP.HCM, ngày 20 tháng 03 năm 2025

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Khoản 2 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP The Golden Group thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên 2023 đã được soát xét với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP

- Mã chứng khoán: TGG
- Địa chỉ: Lầu 7, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ/Tel: 028 7777 9999 Fax: .....
- Email: [info@thegoldengroup.vn](mailto:info@thegoldengroup.vn) Website: <https://thegoldengroup.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên 2023 đã được soát xét
  - ☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
  - ☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
  - ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán .....):

☒ Có ☐ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại:

☒ Có ☐ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có ☐ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 20/03/2025 tại đường dẫn: <https://thegoldengroup.vn/>

Tài liệu đính kèm:  
BCTC bán niên 2023  
VB giải trình

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Võ Kim Nguyên**

## CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

**1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP**

- Mã chứng khoán: TGG
- Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 7, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 028 7777 9999 Fax:
- Email: [info@thegoldengroup.vn](mailto:info@thegoldengroup.vn)

**2. Nội dung thông tin công bố:**

Công bố thông tin giải trình liên quan đến Báo cáo tài chính bán niên năm 2023 đã được soát xét của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2023 đã được soát xét của Công ty Cổ phần The Golden Group

**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:**

*Đơn vị tính: đồng*

Chỉ tiêu	Bán niên 2023	Bán niên 2022	Chênh lệch	% thay đổi
LNST tại báo cáo hợp nhất	(7.437.383.718)	(30.227.931.171)	22.790.547.453	-75,4%
LNST tại báo cáo công ty mẹ	57.135.959	(5.354.251.896)	5.411.387.855	-101,1%

**Lợi nhuận sau thuế sau soát xét trong kỳ báo cáo chuyển từ lỗ ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lãi ở kỳ này:**

*Đơn vị tính: đồng*

Chỉ tiêu	Bán niên 2023	Bán niên 2022	Chênh lệch	% thay đổi
LNST tại báo cáo công ty mẹ	57.135.959	(5.354.251.896)	5.354.309.031	-100,00



**Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau soát xét từ 5% trở lên:**

*Đơn vị tính: đồng*

Chỉ tiêu	Báo cáo tài chính tự lập bán niên 2023	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bán niên 2023	Chênh lệch	% thay đổi
LNST tại báo cáo hợp nhất	(73.395.561.180)	(7.362.377.182)	66.033.183.998	-89,97
LNST tại báo cáo công ty mẹ	(29.134.527.527)	57.135.959	29.191.663.486	-100,20%

**Nguyên nhân:**

- Trong 6 tháng đầu năm 2023, LNST tại báo cáo tài chính riêng bán niên đã được soát xét năm 2023 có lợi nhuận sau thuế lớn hơn 0 trong khi đó LNST tại báo cáo tài chính riêng bán niên đã được soát xét tại năm 2022 bị lỗ, nguyên nhân chủ yếu do các bút toán điều chỉnh của kiểm toán trong năm 2023 như hoàn nhập chi phí dự phòng khoản phải thu ký quỹ 6.600.000.000 đồng.
  - Trong 6 tháng đầu năm 2023, LNST tại báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét năm 2023 có lợi nhuận sau thuế ít lỗ hơn so với cùng kỳ năm 2022, nguyên nhân chủ yếu do các bút toán điều chỉnh của kiểm toán trong năm 2023 như hoàn nhập chi phí dự phòng khoản phải thu khó đòi, hoàn trích lập dự phòng hàng tồn kho, hoàn trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.
3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 20 tháng 03 năm 2025, tại đường dẫn: <https://thegoldengroup.vn/>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

*Tài liệu đính kèm:*

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

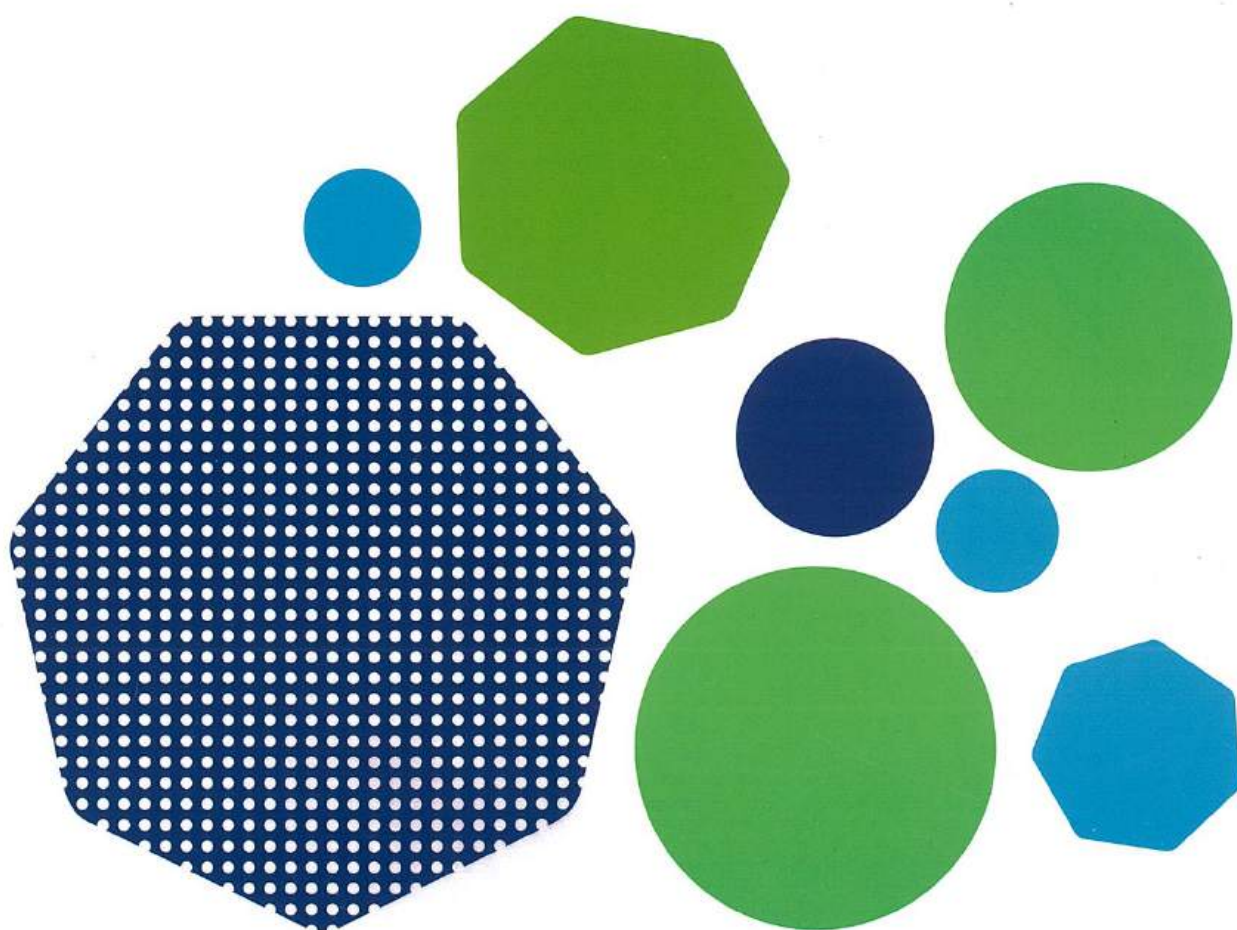


**Võ Kim Nguyễn**



**CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023



**CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 5
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 10
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 12
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	13
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	14 - 15
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	16 - 63



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần The Golden Group (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 từ trang 11 đến trang 63 kèm theo.

**KHÁI QUÁT CÔNG TY**

Công ty Cổ phần The Golden Group được đổi tên từ Công ty Cổ phần Louis Capital (tiền thân là Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105787835, đăng ký lần đầu ngày 10/02/2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 12/09/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Thông tin về trụ sở chính: Lầu 7, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Ngày 25/05/2018, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là TGG.

Theo Thông báo số 5507/TB-SGDHN ngày 22/12/2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổ phiếu của Công ty bắt đầu giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 29/12/2023. Trước đó, theo Quyết định số 796/QĐ-SGDHCM ngày 11/12/2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, cổ phiếu của Công ty bị hủy niêm yết kể từ ngày 18/12/2023.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là tư vấn quản lý, cho thuê mặt bằng, kinh doanh chứng khoán.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ngô Quang Tuấn	Chủ tịch	Ngày 27/03/2023	
Ông Vũ Anh Sinh	Chủ tịch	Ngày 22/07/2022	Ngày 27/03/2023
	Thành viên	Ngày 15/04/2022	
Ông Nguyễn Mai Long	Chủ tịch	Ngày 25/11/2021	Ngày 22/07/2022
	Thành viên		Ngày 22/03/2022
Ông Trịnh Văn Bảo	Phó Chủ tịch	Ngày 25/11/2021	Ngày 26/04/2022
	Thành viên	Ngày 30/06/2021	Ngày 22/03/2023
Ông Lý Thanh Nhã	Thành viên	Ngày 22/03/2023	
Ông Võ Kim Nguyên	Thành viên	Ngày 22/03/2023	
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Thành viên	Ngày 07/08/2023	
Ông Nguyễn Thomas Thanh	Thành viên	Ngày 22/03/2023	Ngày 07/08/2023
Ông Cao Bá Trung	Thành viên	Ngày 25/11/2021	Ngày 22/03/2023
Ông Ngô Thục Vũ	Thành viên	Ngày 06/09/2021	Ngày 22/03/2023

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đỗ Mạnh Hùng	Trưởng ban	Ngày 27/03/2023	
Bà Nguyễn Thị Kiều Liên	Trưởng ban	Ngày 08/09/2021	Ngày 22/03/2023
Ông Cao Việt Bách	Thành viên	Ngày 22/03/2023	
Ông Nguyễn Kiên Giang	Thành viên	Ngày 22/03/2023	
Ông Hồ Lê Hoàng Anh	Thành viên	Ngày 08/09/2021	Ngày 22/03/2023
Ông Phạm Minh Vương	Thành viên	Ngày 30/06/2021	Ngày 22/03/2023

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lý Thanh Nhã	Tổng Giám đốc	Ngày 10/04/2023	
Ông Võ Kim Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 10/04/2023	
	Tổng Giám đốc	Ngày 22/07/2022	Ngày 10/04/2023

Kế toán trưởng của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và đến ngày 14/05/2024 là Bà Nguyễn Thị Trúc Linh.

Quyền Kế toán trưởng của Công ty trong giai đoạn từ ngày 15/05/2024 và cho đến ngày lập Báo cáo này là Bà Trần Thị Thanh Loan.

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 09/04/2023 là Ông Võ Kim Nguyên.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong giai đoạn từ ngày 10/04/2023 và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Lý Thanh Nhã - Tổng Giám đốc Công ty.

**CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện phát sinh nào khác sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 kèm theo, ngoại trừ các sự kiện đã được nêu tại Thuyết minh số 44.2 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong kỳ.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30/06/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



---

**Lý Thanh Nhã**  
**Tổng Giám đốc**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2025*

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần The Golden Group

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần The Golden Group (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các Công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) được lập ngày 18 tháng 03 năm 2025, từ trang 11 đến trang 63, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Cơ sở của Kết luận ngoại trừ**

Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận số dư của một số khoản mục công nợ tại ngày 30/06/2023 như sau:

- Phải thu ngắn hạn của khách hàng là 47.794.984.428 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 46.192.334.005 đồng);
- Trả trước cho người bán ngắn hạn là 1.348.261.166 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 1.216.881.585 đồng);
- Phải thu về cho vay ngắn hạn là 2.555.000.000 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 2.490.000.000 đồng);
- Phải thu ngắn hạn khác là 75.710.411.507 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 665.411.507 đồng);
- Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác là 9.795.414.653 đồng;



## **BÁO CÁO SOÁT XÉT** **THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

### **Cơ sở của Kết luận ngoại trừ (tiếp)**

- Phải trả người bán ngắn hạn là 72.547.601.955 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 66.676.379.105 đồng);
- Phải trả ngắn hạn khác là 2.250.000.000 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 830.000.000 đồng);
- Phải trả dài hạn khác là 3.080.000.000 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 3.080.000.000 đồng).

Các thủ tục kiểm toán thay thế chưa đem lại cho chúng tôi cơ sở để đánh giá tính hiện hữu và đầy đủ, quyền và nghĩa vụ của các khoản công nợ trên cũng như những ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Công ty không thực hiện kiểm kê hàng tồn kho tại ngày 31/12/2022 và 30/06/2023. Bên cạnh đó, Kiểm toán viên không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt và hàng tồn kho tại các thời điểm 31/12/2022 và 30/06/2023 với các số dư trên sổ sách của Tập đoàn như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Tại 30/06/2023	Tại 31/12/2022
		VND	VND
Tiền mặt	111	1.663.124.060	143.019.905
Hàng tồn kho	141	47.483.626.756	44.779.635.273

Kiểm toán viên cũng chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận về số dư hàng tồn kho nêu trên tại Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (Công ty con) đang được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Louis Holdings tại ngày 30/06/2023 là 12.272.727.273 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 12.272.727.273 đồng). Và tại ngày 30/06/2023, Tập đoàn đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với tổng số tiền là 32.506.908.000 đồng (tại ngày 31/12/2022 số dư trích lập dự phòng là 32.506.908.000 đồng). Các thủ tục kiểm toán thay thế không thực hiện được. Theo đó, Kiểm toán viên không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá tính hiện hữu của số dư tiền mặt và tính hiện hữu, giá trị, đánh giá, quyền và nghĩa vụ của số dư hàng tồn kho như đã nêu trên của Tập đoàn tại ngày 30/06/2023 và 31/12/2022 cũng như những ảnh hưởng của nó (nếu có) đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Đồng thời, tại ngày 31/12/2022 và ngày 30/06/2023, Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (Công ty con) đang theo dõi trên sổ sách số dư hàng tồn kho được Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) giữ hộ với giá trị là 13.361.179.650 đồng, đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 30/06/2023 là 3.135.874.949 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 2.090.583.298 đồng). Giá trị dự phòng giảm giá của số dư hàng tồn kho này được Công ty con này ghi nhận vào khoản mục Giá vốn hàng bán trong kỳ là 1.045.291.651 đồng (6 tháng đầu năm 2022 là 1.045.291.649 đồng). Theo Thư xác nhận của Ladophar, xác nhận số dư hàng tồn kho tại ngày 30/06/2023 không phải là tài sản giữ hộ mà Ladophar đang thuê hoạt động hàng năm theo hợp đồng thuê máy móc thiết bị từ năm 2022. Chúng tôi đã không nhận được thư xác nhận phản hồi của Ladophar về số dư hàng tồn kho này tại ngày 31/12/2022. Tuy nhiên, theo tài liệu chúng tôi thu thập được, trong tháng 01 năm 2024 Tập đoàn mới bàn giao cho Ladophar thuê. Bên cạnh đó, trong 6 tháng đầu năm 2023, Công ty con này đã ghi nhận doanh thu cho Ladophar thuê tài sản là 1.200.000.000 đồng (trong 6 tháng đầu năm 2022 là 1.200.000.000 đồng) và giá vốn tương ứng là 915.353.688 đồng (trong 6 tháng đầu năm 2022 là 939.441.942 đồng) theo các tài liệu của Công ty con này là không bao gồm cho thuê các tài sản trình bày ở khoản mục hàng tồn kho được giữ hộ tại ngày 30/06/2023 như nêu trên. Theo đó, do có sự không phù hợp giữa các bằng chứng kiểm toán thu thập được, nên chúng tôi không đủ cơ sở để đánh giá số dư và giá trị của các giao dịch này nhằm có những điều chỉnh và trình bày cần thiết (nếu có) đến các khoản mục Hàng tồn kho, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán của dịch vụ cho thuê tài sản, cũng như những ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

### **Cơ sở của Kết luận ngoại trừ (tiếp)**

Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Louis Rice là đơn vị mà Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (Công ty con) đã đầu tư góp vốn dài hạn, để có cơ sở đánh giá việc trích lập dự phòng khoản đầu tư này với giá trị khoản đầu tư gốc tại ngày 30/06/2023 là 9.795.414.653 đồng và dự phòng đã trích lập tại ngày 31/12/2022 và 30/06/2023 là 6.621.315.939 đồng. Do đó, chúng tôi không có cơ sở để đánh giá ảnh hưởng của chúng đến giá trị dự phòng cần phải điều chỉnh (nếu có) tại ngày 30/06/2023, cũng như xác định những ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Tại ngày 30/06/2023, Công ty chưa xem xét ảnh hưởng của nội dung ngoại trừ trên Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của khoản đầu tư khác vào Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư để lượng hóa mức độ ảnh hưởng đến giá trị khoản đầu tư này với giá trị gốc là 11.154.000.000 đồng. Báo cáo tài chính năm 2022, cũng như Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty nhận đầu tư này, Kiểm toán viên đã nêu ý kiến kiểm toán ngoại trừ về việc không có đầy đủ cơ sở, bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn cần phải trích lập của Công ty nhận đầu tư này vào Công ty Cổ phần Pomax với giá trị đầu tư gốc là 56.925.000.000 đồng do chưa được trích lập dự phòng. Do đó, chúng tôi không có cơ sở để đánh giá ảnh hưởng của nội dung ngoại trừ này đến giá trị dự phòng cần phải điều chỉnh (nếu có) của khoản đầu tư trên tại ngày 30/06/2023, cũng như xác định những ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 25 - Phải trả khác phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất: số dư khoản phải trả khác cho các cá nhân liên quan đến Hợp đồng hợp tác kinh doanh của Dự án Khu du lịch Ao Giời - Suối Tiên tại ngày 30/06/2023 là 3.080.000.000 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 3.080.000.000 đồng). Các Hợp đồng hợp tác kinh doanh này không quy định cụ thể về cách thức phân chia, tỷ lệ phân chia, tổng số tiền góp, cũng như tiến độ góp vốn cụ thể của từng bên, các chứng từ chuyển tiền của các đối tượng này cũng chưa rõ thông tin người chuyển tiền, đồng thời có những trường hợp việc chuyển tiền cũng do một số các đối tượng khác thực hiện thay với các nội dung khác nhau. Hiện Dự án này đã bị Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Thọ thu hồi. Chúng tôi đã thực hiện việc gửi thư xác nhận về số vốn góp cho các đối tượng góp vốn nhưng đến thời điểm phát hành Báo cáo này vẫn chưa nhận được phản hồi. Tháng 10/2024, Công ty đã thanh toán lại cho các cá nhân tương ứng với các đối tượng đã nộp vào trước đây là 3.080.000.000 đồng, nhưng Công ty và các cá nhân này chưa thực hiện ký Biên bản thanh lý Hợp đồng hợp tác kinh doanh. Theo đó, với các tài liệu hiện có cùng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể xác định được cụ thể các đối tượng góp vốn, số tiền góp vốn của từng đối tượng, cũng như việc Công ty hoàn trả tiền cho các cá nhân và các quyền, nghĩa vụ theo Hợp đồng đã chấm dứt hay chưa. Do đó, chúng tôi không đánh giá được số dư phải trả khác liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

### **Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của Kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30/06/2023, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của đơn vị cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như được trình bày tại Thuyết minh số 44.2 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất: Theo Thông báo số 5507/TB-SGDHN ngày 22/12/2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổ phiếu của Công ty bắt đầu giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 29/12/2023. Trước đó, cổ phiếu của Công ty đã bị hủy niêm yết và bị đình chỉ giao dịch.

Như được trình bày tại Thuyết minh số 44.3 - Thông tin hoạt động liên tục phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất: Doanh thu hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn bị thu hẹp đáng kể, kết quả kinh doanh bị lỗ qua các năm, khoản lỗ phát sinh trong kỳ là 5.017.151.530 đồng và tại ngày 30/06/2023 khoản lỗ lũy kế là 160.487.319.958 đồng, khoản nợ ngắn hạn của Tập đoàn số dư là 122.533.394.221 đồng đã vượt quá tài sản ngắn hạn số dư là 73.714.076.613 đồng, đồng thời trong kỳ một số Công ty con đã tạm ngưng kinh doanh. Đây là các yếu tố có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Ban Lãnh đạo Tập đoàn đã và đang tái cơ cấu lại các khoản đầu tư không hiệu quả và đầu tư mở rộng vào lĩnh vực kinh doanh mới nhằm bổ sung nguồn vốn lưu động cũng như cải thiện kết quả kinh doanh của Tập đoàn. Ban Lãnh đạo Tập đoàn tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 được Tập đoàn lập trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Như được trình bày tại Thuyết minh số 10 và 26 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất: Vào cuối năm 2022, toàn bộ Tài sản cố định là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Công ty Cổ phần Golden Paddy (Công ty con) với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2022 là 64.579.058.318 đồng đã được Tập đoàn chuyển sang ghi nhận trên khoản mục Phải thu khác tại ngày 31/12/2022, do đã bị Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Phú Nhuận phong tỏa để chờ xử lý tài sản thế chấp cho khoản nợ gốc và lãi vay đã quá hạn, và đã được Tập đoàn trích lập dự phòng tại ngày 31/12/2022 là 24.222.808.359 đồng trên cơ sở Ban Tổng Giám đốc đánh giá toàn bộ tài sản đã thế chấp sau khi Ngân hàng xử lý sẽ đủ đảm bảo cho khoản nợ gốc và lãi vay phải trả tại ngày 31/12/2022 là 40.356.249.959 đồng. Tại ngày 30/06/2023, tổng số tiền gốc và lãi vay phải trả bị quá hạn chưa thanh toán là 42.745.333.908 đồng và đến thời điểm phát hành báo cáo này ước tính là 50.842.240.619 đồng. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn xác định toàn bộ tài sản cố định này đã và đang bị Ngân hàng này phong tỏa và đang trong quá trình làm các thủ tục để xử lý tài sản thế chấp. Nếu trong trường hợp số tiền Ngân hàng thu được từ việc xử lý Tài sản thế chấp này không đủ để thanh toán cho nghĩa vụ được bảo đảm của Ngân hàng thì Công ty con này có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Tập đoàn không nhận được bất kỳ thông báo nào từ phía Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp cho khoản vay nên chưa có những điều chỉnh cần thiết trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 44.1 “Những khoản nợ tiềm tàng” - phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Ngày 22/01/2024, Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (“Ladophar”) gửi Công văn số 06/CV-LDP/2024 yêu cầu Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (Công ty con) thanh toán chi phí sửa chữa và bảo dưỡng lớn năm 2022 và năm 2023 cho các tài sản mà Ladophar đang thuê hoạt động từ Công ty với tổng số tiền là 483.325.000 đồng bằng hình thức trừ công nợ. Theo Công văn số 2501/2024/CV-AMC ngày 25/01/2024, Công ty con này đã phản hồi không đồng ý việc thanh toán chi phí nêu trên. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, hai bên chưa có văn bản thỏa thuận thống nhất cuối cùng về việc Công ty con này có nghĩa vụ thanh toán khoản chi phí nêu trên hay không.



## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

### **Vấn đề cần nhấn mạnh (tiếp)**

Như được trình bày tại Thuyết minh số 16 và 44.2 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất: Vào cuối năm 2022, Tập đoàn đã đánh giá giảm nguyên giá Bất động sản đầu tư và đã điều chỉnh khoản tổn thất này vào Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 với số tiền là 48.390.000.000 đồng, do ngày 27/02/2024 Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (Công ty con) đã ký hợp đồng chuyển nhượng bất động sản đầu tư là nhà ở và quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 678 Kinh Dương Vương, Khu phố 1, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP.HCM cho Ông Nguyễn Xuân Hòa với giá bán là 30.000.000.000 đồng, giá mua ban đầu là 78.390.000.000 đồng và Khách hàng này đã thanh toán cho Công ty con này số tiền 22 tỷ đồng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty con này đã hoàn thành việc chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua.

Các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi kết luận ngoại trừ đã trình bày.

### **Vấn đề khác**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tập đoàn đã được kiểm toán và số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Tập đoàn chưa được soát xét.



**Phan Thanh Điền**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán

số: 1496-2023-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2025*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2023	Tại 01/01/2023
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>73.714.076.613</b>	<b>90.931.198.103</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>20.152.961.584</b>	<b>41.196.620.607</b>
Tiền	111		20.152.861.584	41.196.620.607
Các khoản tương đương tiền	112		100.000	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>21.306.724.235</b>	<b>19.625.759.670</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	48.910.345.850	48.790.960.905
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	1.516.261.166	1.236.134.085
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	4.055.000.000	2.555.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	76.617.901.219	75.858.436.224
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(109.792.784.000)	(108.814.771.544)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12</b>	<b>25.202.023.457</b>	<b>23.543.323.625</b>
Hàng tồn kho	141		60.844.806.406	58.140.814.923
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(35.642.782.949)	(34.597.491.298)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.052.367.337</b>	<b>6.565.494.201</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	19	194.123.866	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.926.722.988	3.633.973.718
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	23	2.931.520.483	2.931.520.483
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>168.557.975.645</b>	<b>154.004.243.511</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>47.656.249.949</b>	<b>41.119.886.315</b>
Phải thu dài hạn khác	216	10	71.879.058.308	71.942.694.674
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	10	(24.222.808.359)	(30.822.808.359)
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.162.251.034</b>	<b>9.841.472.369</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	13	969.562.139	1.057.690.220
- Nguyên giá	222		1.407.947.500	1.357.947.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(438.385.361)	(300.257.280)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	7.750.396.011	8.783.782.149
- Nguyên giá	225		10.333.861.356	10.333.861.356
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.583.465.345)	(1.550.079.207)
Tài sản cố định vô hình	227	15	442.292.884	-
- Nguyên giá	228		444.990.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.697.116)	-
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>16</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>
- Nguyên giá	231		30.000.000.000	30.000.000.000
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>356.400.000</b>	<b>356.400.000</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	17	356.400.000	356.400.000
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>18</b>	<b>67.186.436.946</b>	<b>59.020.564.724</b>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		52.858.338.232	55.846.466.010
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		20.949.414.653	9.795.414.653
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.621.315.939)	(6.621.315.939)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>14.196.637.716</b>	<b>13.665.920.103</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	19	13.071.539.678	12.465.815.529
Lợi thế thương mại	269	20	1.125.098.038	1.200.104.574
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>242.272.052.258</b>	<b>244.935.441.614</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>149.282.575.386</b>	<b>146.664.145.258</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>122.533.394.221</b>	<b>119.941.372.272</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	73.253.774.215	73.083.840.859
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	22	3.623.840	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	23	365.711.440	290.555.366
Phải trả người lao động	314		640.341.988	213.531.523
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	24	6.387.696.052	3.820.884.706
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		236.064.898	236.064.898
Phải trả ngắn hạn khác	319	25	2.338.998.534	2.989.311.666
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	26	37.976.136.526	37.976.136.526
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	27	1.331.046.728	1.331.046.728
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>26.749.181.165</b>	<b>26.722.772.986</b>
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		649.178.468	767.210.918
Phải trả dài hạn khác	337	25	3.080.000.000	3.080.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	26	3.849.999.910	4.549.999.930
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341	28	19.170.002.787	18.325.562.138
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>92.989.476.872</b>	<b>98.271.296.356</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>29</b>	<b>92.989.476.872</b>	<b>98.271.296.356</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		272.999.900.000	272.999.900.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		272.999.900.000	272.999.900.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.889.093.455	2.889.093.455
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(160.487.319.958)	(155.470.168.428)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(155.470.168.428)	(151.821.324.020)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(5.017.151.530)	(103.648.844.408)
Lợi ích Cổ đông không kiểm soát	429		(22.412.196.625)	(22.147.528.671)
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>242.272.052.258</b>	<b>244.935.441.614</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Quyền Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Thị Thanh Loan

Trần Thị Thanh Loan

Lý Thanh Nhã

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	1.514.258.636	317.065.391.366
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		24.733.976	3.892.200
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>30</b>	<b>1.489.524.660</b>	<b>317.061.499.166</b>
Giá vốn hàng bán	11	31	2.192.504.875	316.002.385.832
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>(702.980.215)</b>	<b>1.059.113.334</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	26.832.409	23.193.658.670
Chi phí tài chính	22	33	2.737.201.077	2.374.214.731
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.737.201.077	2.164.237.712
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(2.988.127.778)	3.163.757.880
Chi phí bán hàng	25	34	176.791.568	87.029.984
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	(133.420.957)	37.222.524.684
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(6.444.847.272)</b>	<b>(12.267.239.515)</b>
Thu nhập khác	31	35	1.955.461	4.629.633
Chi phí khác	32	36	75.044.722	683.111.202
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(73.089.261)</b>	<b>(678.481.569)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(6.517.936.533)</b>	<b>(12.945.721.084)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	-	69.143.399
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	38	844.440.649	1.459.143.764
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(7.362.377.182)</b>	<b>(14.474.008.247)</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ	61		(5.017.151.530)	41.752.850.761
Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(2.345.225.652)	(56.226.859.007)
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>39</b>	<b>(184)</b>	<b>1.529</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	<b>40</b>	<b>(184)</b>	<b>1.529</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Quyền Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Thị Thanh Loan

Trần Thị Thanh Loan

Lý Thanh Nhã



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

*Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>(6.517.936.533)</b>	<b>(12.945.721.084)</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.633.739.451	3.905.119.473
Các khoản dự phòng	03		(4.576.695.893)	29.881.655.850
Lỗ hoạt động đầu tư	05		2.961.295.369	(3.957.786.694)
Chi phí lãi vay	06		2.737.201.077	2.164.237.712
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(3.762.396.529)</b>	<b>19.047.505.257</b>
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09		(5.266.157.416)	89.017.409.314
(Tăng) hàng tồn kho	10		(2.366.508.158)	(6.953.059.320)
(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(147.870.190)	(37.168.873.370)
Giảm chi phí trả trước	12		77.827.566	250.753.137
Giảm/(Tăng) chứng khoán kinh doanh	13		-	46.495.520.000
Tiền lãi vay đã trả	14		(350.389.731)	(753.371.339)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(24.776.862)	(9.223.820.200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(11.840.271.320)</b>	<b>100.712.063.479</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(485.000.000)	(79.856.300.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	10.338.490.986
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.500.000.000)	(8.745.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	6.245.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(6.221.220.092)	(32.500.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.792.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		26.832.409	946.760.857
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(8.179.387.683)</b>	<b>(101.779.048.157)</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

*Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	7.500.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		26.000.000	107.880.022.981
Tiền trả nợ gốc vay	34		(350.000.000)	(108.552.886.495)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(700.000.020)	(4.600.580.832)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(1.024.000.020)</b>	<b>2.226.555.654</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(21.043.659.023)</b>	<b>1.159.570.976</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>6</b>	<b>41.196.620.607</b>	<b>2.577.936.994</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>6</b>	<b>20.152.961.584</b>	<b>3.737.507.970</b>

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2025*

**Người lập biểu**



**Trần Thị Thanh Loan**

**Quyền Kế toán trưởng**



**Trần Thị Thanh Loan**

**Tổng Giám đốc**



**Lý Thanh Nhã**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần The Golden Group (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được đổi tên từ Công ty Cổ phần Louis Capital (tiền thân là Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105787835, đăng ký lần đầu ngày 10/02/2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 12/09/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 là 272.999.900.000 đồng, được chia thành 27.299.990 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Thông tin về trụ sở chính: Lầu 7, Số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Ngày 25/05/2018, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là TGG.

Theo Thông báo số 5507/TB-SGDHN ngày 22/12/2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổ phiếu của Công ty bắt đầu giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 29/12/2023. Trước đó, theo Quyết định số 796/QĐ-SGDHCM ngày 11/12/2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, cổ phiếu của Công ty bị hủy niêm yết kể từ ngày 18/12/2023.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 30/06/2023 là 38 người và tại ngày 01/01/2023 là 19 người.

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là tư vấn quản lý, cho thuê mặt bằng, kinh doanh chứng khoán.

**1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là tư vấn quản lý, cho thuê mặt bằng, kinh doanh chứng khoán.

**1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là không quá 12 tháng.

**1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG KỲ KẾ TOÁN CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là tư vấn quản lý, cho thuê mặt bằng, kinh doanh chứng khoán.

**1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

Công ty có 3 Chi nhánh, trong đó Chi nhánh Hòa Bình là đơn vị hạch toán phụ thuộc. Cụ thể:

STT	Các chi nhánh (*)	Địa điểm	Hoạt động kinh doanh
1	Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần The Golden Group	Hà Nội	Hoạt động tư vấn quản lý
2	Chi nhánh Phú Thọ - Công ty Cổ phần The Golden Group	Phú Thọ	Xây dựng
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Louis Capital - Trang trại Hòa Bình	Hòa Bình	Chăn nuôi



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP)

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)

(\*) Theo Quyết định số 14/2024/TGG/HDQT-NQ của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 11/10/2024, Công ty đã quyết định chấm dứt hoạt động của 03 Chi nhánh, cụ thể: Chi nhánh Công ty Cổ phần Louis Capital - Trang trại Hòa Bình, Chi nhánh Phú Thọ - Công ty Cổ phần The Golden Group, Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần The Golden Group.

Tại ngày 30/06/2023, Công ty có các Công ty con và Công ty liên kết chi tiết như sau:

Thông tin bổ sung về Công ty con, Công ty liên kết	Trụ sở	Hoạt động kinh doanh chính	Tại 30/06/2023		Tại 01/01/2023	
			Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
<b>a. Công ty con</b>						
Công ty Cổ phần Golden Paddy (1)	Ấp Phú Hòa 2, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.	Kinh doanh gạo	51,00%	46,20%	51,00%	46,20%
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC	14 Nguyễn Văn Vĩnh, phường 4, quận Tân Bình, TP.HCM.	Mua bán tài sản, mua bán nợ	79,82%	79,82%	79,82%	79,82%
Công ty TNHH MTV Kho vận Wings Global (1)	Số 7-9, đường số 7, Khu đô thị Sala, phường An Lợi Đông, TP. Thủ Đức, TP. HCM.	Kho vận, dịch vụ giao nhận, logistics	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Thu mua Phụ phẩm PBP (1)	14 Nguyễn Văn Vĩnh, Phường 4, Quận Tân Bình, TP.HCM	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ Nhà nước cấm)	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần HB Pharma (2)	402 – 404 đường Tùng Thiện Vương, Phường 13, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh dược phẩm	51,00%	51,00%	0,00%	0,00%
<b>b. Công ty liên kết</b>						
Công ty TNHH Angimex Furious	Số 26 Trần Hưng Đạo, Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	Mua bán xe gắn máy và phụ tùng, dịch vụ sửa chữa	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP)****1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

(1) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty số 07/2024/TGG/HĐQT-NQ ngày 03/06/2024, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc thoái vốn tại các Công ty con sau: Công ty Cổ phần Golden Paddy, Công ty TNHH MTV Thu mua Phụ phẩm PBP và Công ty TNHH MTV Kho vận Wings Global, dự kiến thời gian thực hiện trong năm 2024. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty đã thực hiện việc thoái vốn tại Công ty TNHH MTV Thu mua Phụ phẩm PBP và Công ty Cổ phần Golden Paddy.

Trước đó, Công ty TNHH MTV Thu mua Phụ phẩm PBP và Công ty TNHH MTV Kho vận Wings Global đã tạm ngừng kinh doanh theo Thông báo gửi đến Phòng Đăng ký kinh doanh Tp. HCM từ tháng 01/2024, và Công ty Cổ phần Golden Paddy đã tạm ngưng không sản xuất kinh doanh từ tháng 5/2022.

(2) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty số 10/2024/TGG/HĐQT-NQ ngày 17/07/2024 và Nghị quyết số 13/2024/TGG/HĐQT-NQ ngày 27/09/2024 sửa đổi Điều 1 Nghị quyết số 10, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc thoái toàn bộ vốn tại Công ty con - Công ty Cổ phần HB Pharma, dự kiến thời gian thực hiện trong năm 2024. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty đang trong quá trình thực hiện thoái vốn tại Công ty con này.

**1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tập đoàn đã được kiểm toán và số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Tập đoàn chưa được soát xét.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1 KỲ KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

**2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần The Golden Group được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết do Công ty kiểm soát được lập cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)***3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết được lập cho cùng kỳ kế toán với báo cáo tài chính riêng của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất.

**4. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****4.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, áp dụng từ năm tài chính 2015.

**4.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****5.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)*

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**5.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**5.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí xây dựng và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**5.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm báo cáo (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh là dự phòng phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra do giảm giá các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính chất tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Trong trường hợp Công ty không thu thập được những bằng chứng đáng tin cậy về việc giảm giá của khoản chứng khoán kinh doanh, các khoản đầu tư này vẫn được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp giá gốc.

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)*

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**5.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của nhà đầu tư trong lãi hoặc lỗ của bên được đầu tư sau ngày đầu tư. Phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả kinh doanh của bên được đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của nhà đầu tư. Các khoản được chia từ bên được đầu tư được hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày bên được đầu tư trở thành công ty liên doanh hoặc liên kết.

**5.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**5.6 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

**Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)*

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**5.6 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP)**

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 20
Máy móc, thiết bị	08 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	08 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

**Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến. Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất đang được khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng thời gian trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**5.7 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư (“BĐSDT”) được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của BĐSĐT là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà doanh nghiệp bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành BĐSĐT đó.

Khấu hao của Bất động sản đầu tư được xác định theo phương pháp đường thẳng. Công ty không trích khấu hao đối với Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá là nhà cửa và quyền sử dụng đất.

Công ty không trích khấu hao đối với BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì doanh nghiệp được đánh giá giảm nguyên giá BĐSĐT và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán (tương tự như việc lập dự phòng đối với hàng hóa bất động sản).

**5.8 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn là những chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong 12 tháng. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian từ trên 12 tháng đến 36 tháng. Đối với chi phí thuê diện tích thương mại dịch vụ, văn phòng tòa nhà SME Hoàng Gia được phân bổ theo kỳ hạn quy định trên Hợp đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)*

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**5.9 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**5.10 LỢI THỂ THƯƠNG MẠI**

Lợi thể thương mại phát sinh trong trường hợp hợp nhất kinh doanh khi mua lại công ty con, công ty liên kết. Lợi thể thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc lợi thể thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Công ty mẹ trong giá trị thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị mua. Khoản chênh lệch âm (giao dịch mua rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thể thương mại phát sinh khi mua lại khoản đầu tư vào công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Lợi thể thương mại phát sinh khi mua khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Doanh nghiệp không phân bổ dần khoản lợi thể thương mại này.

**5.11 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)*

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**5.12 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**5.13 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5.14 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)*

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**5.14 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

*Chi phí hoạt động tài chính*

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí cho vay và đi vay vốn, các khoản phí giao dịch mua bán chứng khoán kinh doanh và các khoản lỗ do mua bán chứng khoán kinh doanh.

*Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn*

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong kỳ được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

**5.15 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty trong kỳ bao gồm: hoạt động xây dựng, hoạt động bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ: cho thuê mặt bằng, tư vấn quản lý, dịch vụ giao nhận, kho vận, logistics.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)***5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****5.15 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh tại Việt Nam do đó không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố địa lý vùng miền cũng như đối tượng khách hàng. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận, lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp, tài sản, nợ phải trả.

**5.16 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, Bên liên quan của Tập đoàn là các Công ty liên kết do Tập đoàn đầu tư có ảnh hưởng đáng kể, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và các Cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

**6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Tại 30/06/2023</b>	<b>Tại 01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.663.124.060	1.112.653.168
Tiền gửi ngân hàng	18.489.737.524	40.083.967.439
Tương đương tiền	100.000	-
<b>Cộng</b>	<b>20.152.961.584</b>	<b>41.196.620.607</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại 30/06/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>48.910.345.850</b>	<b>(30.448.666.992)</b>	<b>48.790.960.905</b>	<b>(29.484.707.036)</b>
- Công ty TNHH Thương Mại và Dịch vụ AKISEI	5.066.250.000	(5.066.250.000)	5.066.250.000	(5.066.250.000)
- Công ty TNHH MTV Louis Rice Long An	18.022.920.000	-	18.022.920.000	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Xuất Nhập khẩu Gia Thành	11.272.000.000	(11.272.000.000)	11.272.000.000	(11.272.000.000)
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	871.832.257	(871.832.257)	871.832.257	-
- Khoản nợ khó đòi mua từ Công ty Cổ phần Sametel	2.192.852.987	(2.192.852.987)	2.492.852.987	(2.492.852.987)
- Công ty TNHH Ferino	-	-	1.800.000.000	(1.800.000.000)
- Công ty TNHH Thương mại Trọng Thị	5.448.010.000	(5.448.010.000)	5.448.010.000	(5.448.010.000)
- Phải thu khách hàng khác	6.036.480.606	(5.597.721.748)	3.817.095.661	(3.405.594.049)
<b>Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>22.971.003.172</b>	<b>(4.615.554.005)</b>	<b>22.638.474.005</b>	<b>(3.351.594.049)</b>
- Công ty TNHH MTV Louis Rice Long An	18.022.920.000	-	18.022.920.000	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	871.832.257	(871.832.257)	871.832.257	-
- Công ty TNHH Lương thực Angimex	113.898.960	(113.898.960)	113.898.960	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice	3.351.594.049	(3.351.594.049)	3.351.594.049	(3.351.594.049)
- Công ty TNHH MTV Chế biến Lương Thực Angimex	278.228.739	(278.228.739)	278.228.739	-
- Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)	332.529.167	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>48.910.345.850</b>	<b>(30.448.666.992)</b>	<b>48.790.960.905</b>	<b>(29.484.707.036)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Tại 30/06/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>1.516.261.166</b>	<b>(1.143.705.501)</b>	<b>1.236.134.085</b>	<b>(1.129.653.001)</b>
- Công ty TNHH Kiến trúc và Chuyển giao Công nghệ Hà Nội	550.000.001	(550.000.001)	550.000.001	(550.000.001)
- Chi nhánh Công ty ACC Xí nghiệp Tư vấn thiết kế và Xây dựng ACC	430.000.000	(430.000.000)	430.000.000	(430.000.000)
- Trả trước cho người bán khác	536.261.165	(163.705.500)	256.134.084	(149.653.000)
<b>Trả trước cho người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	<b>60.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Công ty Cổ phần Louis Holdings	60.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.516.261.166</b>	<b>(1.143.705.501)</b>	<b>1.236.134.085</b>	<b>(1.129.653.001)</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Tại 30/06/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>4.055.000.000</b>	<b>(2.490.000.000)</b>	<b>2.555.000.000</b>	<b>(2.490.000.000)</b>
- Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Louis Rice (1)	490.000.000	(490.000.000)	490.000.000	(490.000.000)
- Bà Nguyễn Thị Thu Thảo (2)	2.000.000.000	(2.000.000.000)	2.000.000.000	(2.000.000.000)
- Công ty Cổ phần Pomax (3)	1.500.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Louis Holdings	65.000.000	-	65.000.000	-
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>4.055.000.000</b>	<b>(2.490.000.000)</b>	<b>2.555.000.000</b>	<b>(2.490.000.000)</b>

(1) Là khoản tiền Công ty TNHH MTV Thu mua Phụ phẩm PBP (Công ty con) cho Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Louis Rice vay theo Hợp đồng số 1804/2022/HĐVV-PBP-LR ngày 18/04/2022 với thời hạn là 12 tháng và lãi suất 9%/năm.

(2) Là khoản tiền Công ty TNHH MTV Thu mua Phụ phẩm PBP (Công ty con) cho Bà Nguyễn Thị Thu Thảo vay theo Hợp đồng số 1304/2022/HĐVV-PBP-NTTT ngày 13/04/2022 với thời hạn là 12 tháng, lãi suất 12%/năm, và Phụ lục Hợp đồng số 03 ngày 18/04/2022 về việc thay đổi lãi suất từ 12%/năm xuống còn 9%/năm.

(3) Là khoản tiền Công ty Cổ phần HB Pharma (Công ty con) cho Công ty Cổ phần Pomax vay theo Hợp đồng số 04/2023/HĐVV-HBP-POMAX ngày 15/06/2023 có thời hạn là 12 tháng và lãi suất 8%/năm. Đến ngày 26/07/2023, Công ty Cổ phần HB Pharma đã thu hồi toàn bộ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP

Lầu 7, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

10. PHẢI THU KHÁC

	Tại 30/06/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	76.617.901.219	(75.710.411.507)	75.858.436.224	(75.710.411.507)
- Tạm ứng	583.706.980	(540.000.000)	559.000.000	(540.000.000)
- Bà Từ Thị Hồng Thanh (1)	75.045.000.000	(75.045.000.000)	75.045.000.000	(75.045.000.000)
- Thuế GTGT liên quan Hợp đồng cho thuê tài chính	127.272.732	-	127.272.732	-
- Lãi dự thu từ cho vay	125.411.507	(125.411.507)	125.411.507	(125.411.507)
- Đặt cọc	736.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	510.000	-	1.751.985	-
<b>Dài hạn</b>	71.879.058.308	(24.222.808.359)	71.942.694.674	(30.822.808.359)
- Giá trị còn lại của TSCĐ của Công ty con đã bị Ngân hàng thu hồi để xử lý tài sản thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Phú Nhuận (2)	64.579.058.318	(24.222.808.359)	64.579.058.318	(24.222.808.359)
- Ký quỹ tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cho Dự án Ao Giời - Suối Tiên (3)	6.600.000.000	-	6.600.000.000	(6.600.000.000)
- Thuế GTGT liên quan Hợp đồng cho thuê tài chính	349.999.990	-	413.636.356	-
- Khoản ký cược liên quan Hợp đồng cho thuê tài chính với Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM	350.000.000	-	350.000.000	-
<b>Cộng</b>	148.496.959.527	(99.933.219.866)	147.801.130.898	(106.533.219.866)

(1) Bao gồm 02 khoản phải thu sau:

- Là khoản tiền Công ty đã trả trước cho Bà Từ Thị Hồng Thanh để mua lại 7.500.000 cổ phần Công ty Cổ phần Golden Paddy với giá trị 75.000.000.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2021/HDCNCP ngày 10/09/2021. Đến ngày 31/12/2021, Bà Từ Thị Hồng Thanh đã hoàn thành việc chuyển nhượng cho Công ty 3.000.000 cổ phần, tương ứng với giá trị theo mệnh giá là 30.000.000.000 đồng. Số tiền Công ty đã trả thừa cho Bà Từ Thị Hồng Thanh là 45.000.000.000 đồng, tương ứng với số cổ phần Bà Từ Thị Hồng Thanh chưa có quyền sở hữu nên chưa chuyển nhượng cho Công ty là 4.500.000 cổ phần, tương ứng với giá trị theo mệnh giá là 45.000.000.000 đồng. Đến thời điểm lập Báo cáo này, Công ty chưa liên hệ được với Bà Từ Thị Hồng Thanh để thu hồi số tiền này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**10. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)**

- Là khoản tạm ứng cho Bà Từ Thị Hồng Thanh mua bất động sản tại Ấp An Hòa, Xã An Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang. Thời gian hoàn ứng là 12 tháng từ ngày nhận tạm ứng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, giao dịch mua bất động sản vẫn chưa thực hiện và khoản tạm ứng của Bà Từ Thị Hồng Thanh đã được trích lập dự phòng.

(2) Là giá trị còn lại của Tài sản cố định tại ngày 31/12/2022 mà Công ty Cổ phần Golden Paddy (Công ty con) đã thế chấp cho khoản vay quá hạn chưa thanh toán tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Phú Nhuận, do toàn bộ tài sản này đã bị Ngân hàng yêu cầu bán giao, phong tỏa và Ngân hàng đang quá trình làm các thủ tục để xử lý tài sản thế chấp theo quy định để trả nợ cho số dư gốc vay và lãi vay quá hạn chưa thanh toán. Nếu trong trường hợp số tiền Ngân hàng thu được từ việc xử lý các Tài sản thế chấp không đủ để thanh toán cho nghĩa vụ được bảo đảm của Ngân hàng thì Công ty Cổ phần Golden Paddy phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn thiếu.

Vào cuối năm 2022, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá toàn bộ số tiền Ngân hàng có thể thu hồi được sau khi Ngân hàng xử lý tài sản cố định đã thế chấp cho khoản vay tối thiểu sẽ đủ đảm bảo cho số dư gốc vay và lãi vay Công ty còn phải trả cho Ngân hàng theo số dư tại ngày 31/12/2022, nên giá trị còn lại của toàn bộ Tài sản cố định này tại ngày 31/12/2022 được Công ty chuyển sang ghi nhận trên khoản mục Phải thu khác là 64.579.058.318 đồng để chờ Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp, và Công ty đã trích lập dự phòng số tiền 24.222.808.359 đồng trên cơ sở giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình và vô hình tại ngày 31/12/2022 là 64.579.058.318 đồng (TSCĐ hữu hình là 5.231.305.198 đồng và TSCĐ vô hình là 59.347.753.120 đồng) trừ đi số dư gốc vay và lãi vay phải trả tại 31/12/2022 là 40.356.249.959 đồng.

Tại ngày 30/06/2023, Công ty ghi nhận chi phí lãi vay phải trả tăng thêm trong năm 2023 là 2.389.083.949 đồng, do đó tổng số dư gốc và lãi vay chưa thanh toán lũy kế tại ngày 30/06/2023 là 42.745.333.908 đồng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Tập đoàn không nhận được bất kỳ thông báo nào từ phía Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp nên chưa có những điều chỉnh trên Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

(3) Là khoản tiền ký quỹ Công ty đã nộp ngày 29/06/2021 cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ để đảm bảo thực hiện dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Ao Giời - Suối Tiên tại Tiểu khu 48, xã Quân Khê, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ theo Quyết định chủ trương đầu tư số 2237/QĐ-UBND ngày 29/08/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ. Dự án đã bị thu hồi theo Quyết định số 2522/QĐ-UBND ngày 23/09/2022 về việc "Chấm dứt hoạt động dự án và thu hồi Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Ao Giời - Suối Tiên, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ".

Ngày 16/10/2024, Công ty đã thu hồi toàn bộ số tiền ký quỹ nêu trên theo Thông báo số 64/TB-SKH&ĐT của Sở Kế Hoạch và Đầu Tư ngày 08/10/2024 về việc "Hoàn trả một phần số tiền đã ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án: Khu du lịch nghỉ dưỡng Ao Giời - Suối Tiên, huyện Hạ Hòa". Do đó, Công ty đã hoàn nhập toàn bộ số dư dự phòng đã trích lập.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

11. NỢ XẤU

	Tại 30/06/2023				Tại 01/01/2023			
	Giá gốc	Dự phòng		Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Dự phòng		Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND		VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	116.406.514.480	(109.792.784.000)	6.613.730.480	115.414.771.544	(115.414.771.544)	-	-	-
Bà Từ Thị Hồng Thanh	75.045.000.000	(75.045.000.000)	-	75.045.000.000	(75.045.000.000)	-	-	-
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Louis Rice	3.881.854.871	(3.881.854.871)	-	3.881.854.871	(3.881.854.871)	-	-	-
Ký quỹ tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ	6.600.000.000	-	6.600.000.000	6.600.000.000	(6.600.000.000)	-	-	-
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ AKISEI	5.066.250.000	(5.066.250.000)	-	5.066.250.000	(5.066.250.000)	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Xuất Nhập khẩu Gia Thành	11.272.000.000	(11.272.000.000)	-	11.272.000.000	(11.272.000.000)	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại Trọng Thị	5.448.010.000	(5.448.010.000)	-	5.448.010.000	(5.448.010.000)	-	-	-
Khoản nợ khó đòi mua từ Công ty Cổ phần Sametel	2.192.852.987	(2.192.852.987)	-	2.492.852.987	(2.492.852.987)	-	-	-
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	2.085.150.685	(2.085.150.685)	-	2.085.150.685	(2.085.150.685)	-	-	-
Công ty TNHH Ferino	1.800.000.000	(1.800.000.000)	-	1.800.000.000	(1.800.000.000)	-	-	-
Công ty TNHH Kiến trúc và Chuyển giao Công nghệ Hà Nội	550.000.001	(550.000.001)	-	550.000.001	(550.000.001)	-	-	-
CN Công ty ACC Xí nghiệp Tư vấn thiết kế và Xây dựng ACC	430.000.000	(430.000.000)	-	430.000.000	(430.000.000)	-	-	-
Công ty Cổ phần Dầu tư và Tư vấn Phương Bắc - CN Phú Thọ	66.653.000	(66.653.000)	-	66.653.000	(66.653.000)	-	-	-
Trung tâm Tư vấn và Phát triển Lâm nghiệp	50.000.000	(50.000.000)	-	50.000.000	(50.000.000)	-	-	-
Công ty Cổ phần Kiến trúc và Xây dựng AU	33.000.000	(33.000.000)	-	33.000.000	(33.000.000)	-	-	-
Bà Lê Thị Minh Quân	540.000.000	(540.000.000)	-	540.000.000	(540.000.000)	-	-	-
Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Lương thực Thực Phẩm Thiên Vũ	54.000.000	(54.000.000)	-	54.000.000	(54.000.000)	-	-	-
Các Khách hàng khác	1.291.742.936	(1.278.012.456)	13.730.480	-	-	-	-	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

12. HÀNG TỒN KHO

	Tại 30/06/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hóa (*)	60.844.806.406	(35.642.782.949)	58.140.814.923	(34.597.491.298)
Cộng	<b>60.844.806.406</b>	<b>(35.642.782.949)</b>	<b>58.140.814.923</b>	<b>(34.597.491.298)</b>

(\*) Bao gồm:

- Số dư hàng hóa của Công ty Cổ phần Golden Paddy (Công ty con) là các loại gạo đã được trích lập dự phòng giảm giá toàn bộ với số tiền 32.506.908.000 đồng. Công ty đánh giá lượng hàng tồn kho này không còn dùng được do đã tồn kho từ lâu và quá hạn sử dụng, đồng thời Ngân hàng hiện đang phong tỏa kho gạo này do khoản nợ vay quá hạn chưa thanh toán nên các điều kiện khách quan về việc bảo quản kho gạo không đảm bảo làm ảnh hưởng đến chất lượng gạo.
- Số dư hàng hóa của Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (Công ty con) là các loại máy móc thiết bị Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC mua thanh lý từ Công ty Cổ phần Louis Holdings và Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) để bán lại cho các đối tác tiềm năng. Tại ngày 31/12/2022 và 30/06/2023, toàn bộ số dư hàng hóa này với giá trị 25.633.906.923 đồng đang được gửi tại Nhà máy của Công ty Cổ phần Louis Holdings và Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar), đã được trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lũy kế đến ngày 30/06/2023 là 3.135.874.949 đồng.
- Số dư hàng hóa của Công ty Cổ phần HB Pharma (Công ty con) là 2.703.991.483 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại 01/01/2023	-	1.357.947.500	1.357.947.500
- Mua trong kỳ	50.000.000	-	50.000.000
Tại 30/06/2023	<u>50.000.000</u>	<u>1.357.947.500</u>	<u>1.407.947.500</u>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại 01/01/2023	-	(300.257.280)	(300.257.280)
- Khấu hao trong kỳ	(2.333.332)	(135.794.749)	(138.128.081)
Tại 30/06/2023	<u>(2.333.332)</u>	<u>(436.052.029)</u>	<u>(438.385.361)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2023	-	1.057.690.220	1.057.690.220
Tại 30/06/2023	<u>47.666.668</u>	<u>921.895.471</u>	<u>969.562.139</u>

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2023 là 0 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 0 đồng).

Giá trị còn lại của Tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 30/06/2023 là 0 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 0 đồng).

**14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc thiết bị VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại 01/01/2023	10.333.861.356	10.333.861.356
Tại 30/06/2023	<u>10.333.861.356</u>	<u>10.333.861.356</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
Tại 01/01/2023	(1.550.079.207)	(1.550.079.207)
- Khấu hao trong kỳ	(1.033.386.138)	(1.033.386.138)
Tại 30/06/2023	<u>(2.583.465.345)</u>	<u>(2.583.465.345)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2023	8.783.782.149	8.783.782.149
Tại 30/06/2023	<u>7.750.396.011</u>	<u>7.750.396.011</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Phần mềm máy tính VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
<b>Tại 01/01/2023</b>	-	-
- Tăng tài sản do hợp nhất	9.990.000	9.990.000
- Mua trong kỳ	435.000.000	435.000.000
<b>Tại 30/06/2023</b>	<b>444.990.000</b>	<b>444.990.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
<b>Tại 01/01/2023</b>	-	-
- Khấu hao trong kỳ	(2.697.116)	(2.697.116)
<b>Tại 30/06/2023</b>	<b>(2.697.116)</b>	<b>(2.697.116)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
<b>Tại 01/01/2023</b>	-	-
<b>Tại 30/06/2023</b>	<b>442.292.884</b>	<b>442.292.884</b>

Nguyên giá Tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng của Công ty tại ngày 30/06/2023 là 0 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 0 đồng).

Giá trị còn lại của Tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 30/06/2023 là 0 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 0 đồng).

**16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	<b>Tại 01/01/2023 VND</b>	<b>Tăng trong kỳ VND</b>	<b>Giảm trong kỳ VND</b>	<b>Tại 30/06/2023 VND</b>
<b>Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (*)</b>				
<b>Nguyên giá</b>	<b>78.390.000.000</b>	-	-	<b>78.390.000.000</b>
- Nhà và quyền sử dụng đất	78.390.000.000	-	-	78.390.000.000
<b>Tồn thất do suy giảm giá trị</b>	<b>48.390.000.000</b>	-	-	<b>48.390.000.000</b>
- Nhà và quyền sử dụng đất	48.390.000.000	-	-	48.390.000.000
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>30.000.000.000</b>	-	-	<b>30.000.000.000</b>
- Nhà và quyền sử dụng đất	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000

(\*) Là giá trị nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 678 Kinh Dương Vương, Khu phố 1, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, có thời hạn sử dụng đất lâu dài. Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (Công ty con) nhận chuyển nhượng từ Ông Lê Quang Nhuận. Ngày 27/02/2024, Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC đã ký hợp đồng chuyển nhượng bất động sản đầu tư là nhà ở và quyền sử dụng đất này cho Ông Nguyễn Xuân Hòa với giá bán là 30 tỷ đồng, giá đã mua ban đầu như đã trình bày ở trên là 78,39 tỷ đồng. Do đó vào cuối năm 2022 Công ty đã đánh giá giảm nguyên giá Bất động sản đầu tư này với giá trị tồn thất là 48.390.000.000 đồng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, các bên đã hoàn thành thủ tục chuyển quyền sở hữu cho Ông Nguyễn Xuân Hòa và Khách hàng này đã thanh toán số tiền 22 tỷ đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)*

**17. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<b>Tại 30/06/2023</b>	<b>Tại 01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Mua sắm tài sản cố định là xe tải thùng	356.400.000	356.400.000
<b>Cộng</b>	<b>356.400.000</b>	<b>356.400.000</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

18. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tại 30/06/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ
a. Đầu tư vào công ty liên kết				
- Công ty TNHH Angimex Furious (1)	51.000.000.000	52.858.338.232	51.000.000.000	55.846.466.010
<b>Cộng</b>	<b>51.000.000.000</b>	<b>52.858.338.232</b>	<b>51.000.000.000</b>	<b>55.846.466.010</b>

	Tại 30/06/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư (2)	11.154.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Louis Rice (3)	9.795.414.653	(6.621.315.939)	9.795.414.653	(6.621.315.939)
<b>Cộng</b>	<b>20.949.414.653</b>	<b>(6.621.315.939)</b>	<b>9.795.414.653</b>	<b>(6.621.315.939)</b>

(1) Ngày 30/12/2021, Công ty Cổ phần The Golden Group đã nhận chuyển nhượng phần vốn góp Công ty TNHH Angimex Furious từ Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu An Giang với giá trị phần vốn góp tại ngày 31/12/2021 là 49.000.000.000 đồng, tương đương với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 49%. Ngày 23/12/2022, Công ty đã chuyển nhượng lại 19.000.000.000 đồng phần vốn góp cho Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu An Giang, tương đương tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 19%. Do đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty tại ngày 31/12/2022 và ngày 30/06/2023 là 30%.

(2) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư theo các Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần trong tháng 05/06/2023 với các Cổ đông cá nhân về việc chuyển nhượng toàn bộ và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư cho Công ty với số lượng cổ phần là 1.115.400 cổ phần, tương đương tỷ lệ sở hữu là 16,90% và tỷ lệ quyền biểu quyết là 16,90%.

(3) Là khoản đầu tư Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (Công ty con) đã nhận chuyển nhượng phần góp vốn Công ty TNHH MTV Louis Rice (nay đã được đổi tên thành Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Louis Rice) từ Công ty Cổ phần Louis Holdings với giá trị phần góp vốn là 7.193.000.000 đồng, tương đương với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 10%. Công ty con này chưa đánh giá dự phòng tổn thất đầu tư tại ngày 30/06/2023 do chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Louis Rice.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

19. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 30/06/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	194.123.866	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	94.873.465	-
	99.250.401	-
<b>Dài hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	13.071.539.678	12.465.815.529
- Chi phí thuê văn phòng (*)	854.594.731	171.443.244
- Chi phí trả trước dài hạn khác	12.144.128.779	12.294.372.285
	72.816.168	-
<b>Cộng</b>	<b>13.265.663.544</b>	<b>12.465.815.529</b>

(\*) Là khoản chi phí trả trước về việc thuê diện tích thương mại dịch vụ, văn phòng tòa nhà SME Hoàng Gia theo Hợp đồng cho thuê số 01-T5 (S1-S3) HCTMB-SME-HG ngày 20/06/2016 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia và Công ty Cổ phần The Golden Group (Công ty mẹ). Tổng diện tích thuê là 582 m<sup>2</sup>, thời hạn cho thuê từ tháng 06/2016 đến hết tháng 06/2058, tổng giá trị tiền thuê cố định theo Hợp đồng là 16.000.000.000 đồng (bao gồm thuế GTGT).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

20. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Số đầu năm

- Tăng trong kỳ
- Phân bổ lợi thế thương mại

Số cuối kỳ

Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
1.200.104.574	2.514.466.411
384.521.580	-
(459.528.116)	(1.314.361.837)
<b>1.125.098.038</b>	<b>1.200.104.574</b>

Giá trị còn lại lợi thế thương mại phát sinh khi mua các Công ty con như sau:

Chi tiết

Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC

Cộng

Tại 30/06/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
1.125.098.038	1.200.104.574
<b>1.125.098.038</b>	<b>1.200.104.574</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP

Lầu 7, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 30/06/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	73.253.774.215	73.253.774.215	73.083.840.859	73.083.840.859
- Công ty Cổ phần Golden Paddy SG	46.439.759.105	46.439.759.105	46.439.759.105	46.439.759.105
- Công ty TNHH MTV Louis Rice Long An	18.022.920.000	18.022.920.000	18.022.920.000	18.022.920.000
- Công ty Cổ phần Pomax	237.050.738	237.050.738	-	-
- Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)	-	-	169.774.936	169.774.936
- Chi nhánh Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)	-	-	33.695.897	33.695.897
- Phải trả người bán khác	8.554.044.372	8.554.044.372	8.417.690.921	8.417.690.921
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	64.899.729.843	64.899.729.843	64.943.349.938	64.943.349.938
- Công ty Cổ phần Golden Paddy SG	46.439.759.105	46.439.759.105	46.439.759.105	46.439.759.105
- Công ty TNHH MTV Louis Rice Long An	18.022.920.000	18.022.920.000	18.022.920.000	18.022.920.000
- Công ty Cổ phần Pomax	237.050.738	237.050.738	-	-
- Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)	-	-	169.774.936	169.774.936
- Chi nhánh Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)	-	-	33.695.897	33.695.897
- Công ty Cổ phần Louis Land	200.000.000	200.000.000	277.200.000	277.200.000



CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP

Lầu 7, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

22. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Tại 30/06/2023		Tại 01/01/2023	
	VND		VND	
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.623.840		-	
- Các đối tượng khác	3.623.840		-	
Người mua trả tiền trước dài hạn	-		-	
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-		-	

23. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2023		Tăng do hợp nhất		Số phát sinh trong kỳ		Tại 30/06/2023	
	Phải thu		Phải trả		Số phải nộp		Phải thu	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước	2.931.520.483	290.555.366	-	36.702.910	175.119.998	136.666.834	2.931.520.483	365.711.440
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	-	-	397.316	39.338	397.316	-	39.338
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.931.520.483	239.850.066	-	-	-	24.776.862	2.931.520.483	215.073.204
- Thuế thu nhập cá nhân	-	50.705.300	-	36.305.594	162.555.501	98.967.497	-	150.598.898
- Các khoản lệ phí, phạt thuế	-	-	-	-	25.159	25.159	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	-	-	12.500.000	12.500.000	-	-
Cộng	2.931.520.483	290.555.366	-	36.702.910	175.119.998	136.666.834	2.931.520.483	365.711.440

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**24. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>Tại 30/06/2023</b>	<b>Tại 01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>	<b>6.387.696.052</b>	<b>3.820.884.706</b>
- Chi phí lãi vay phải trả	6.177.696.052	3.790.884.706
- Chi phí phải trả khác	210.000.000	30.000.000
<b>Cộng</b>	<b>6.387.696.052</b>	<b>3.820.884.706</b>

**25. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<b>Tại 30/06/2023</b>	<b>Tại 01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.338.998.534</b>	<b>2.989.311.666</b>
- Kinh phí công đoàn	46.931.666	46.931.666
- Ủy ban Nhân dân tỉnh Hòa Bình (1)	2.100.000.000	2.100.000.000
- Bà Mai Thị Kim Phụng	-	680.000.000
- Bà Võ Trịnh Ngân Giang	150.000.000	150.000.000
- Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	42.066.868	12.380.000
<b>Dài hạn</b>	<b>3.080.000.000</b>	<b>3.080.000.000</b>
- Thu tiền hợp tác kinh doanh dự án "Khu Du lịch nghỉ dưỡng Ao Giời - Suối Tiên" (2)	3.080.000.000	3.080.000.000
+ Ông Bùi Mạnh Hùng	1.870.000.000	1.870.000.000
+ Bà Ngô Thị Huyền	594.000.000	594.000.000
+ Ông Nguyễn Huy Nam	286.000.000	286.000.000
+ Bà Dương Thị Vinh	330.000.000	330.000.000
<b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>5.418.998.534</b>	<b>6.069.311.666</b>

(1) Là khoản tiền Ủy ban Nhân dân tỉnh Hòa Bình hỗ trợ cho Công ty thực hiện dự án "Dự án Trang trại chăn nuôi lợn theo hướng Công nghiệp" tại Xóm Phụng Viên, thị xã Tân Thành, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình theo Giấy chứng nhận đầu tư số 25121000446 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 13/05/2014, cấp thay đổi lần thứ hai ngày 06/03/2015. Theo Giấy chứng nhận đầu tư: tổng vốn đầu tư của dự án là 150 tỷ đồng. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, dự án đã chấm dứt hoạt động theo Quyết định số 71/QĐ-SKHĐT ngày 07/06/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình.

(2) Là khoản thu tiền hợp tác kinh doanh dự án "Khu Du lịch nghỉ dưỡng Ao Giời - Suối Tiên" theo các Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh giữa các cá nhân với Công ty Cổ phần Louis Capital (tên cũ của Công ty). Các Hợp đồng Hợp tác kinh doanh này không quy định cụ thể về cách thức phân chia, tỷ lệ phân chia, tổng số tiền góp, cũng như tiến độ góp vốn cụ thể của từng bên, các chứng từ chuyển tiền của các cá nhân này chưa rõ thông tin người chuyển tiền, đồng thời có những trường hợp việc chuyển tiền cũng do một số các đối tượng khác thực hiện thay với các nội dung khác nhau. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Dự án đã bị thu hồi theo Quyết định của Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Thọ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)*

**25. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP)**

Ngày 16/10/2024, Công ty đã hoàn trả cho các cá nhân số tiền 3.080.000.000 đồng theo Quyết định số 65/2024/TGG/TGĐ-QĐ của Tổng Giám đốc Công ty ngày 15/10/2024 về việc hoàn tiền ký quỹ dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Ao Giời - Suối Tiên, số tiền hoàn trả cho mỗi cá nhân tương ứng với số tiền và tài khoản Ngân hàng mà các cá nhân này trước đó đã nộp vào Công ty.

Trước đó, trong năm 2021, Công ty đã kết chuyển một phần khoản Phải trả khác về hợp đồng hợp tác kinh doanh của các cá nhân này vào kết quả kinh doanh số tiền 3.073.000.000 đồng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty và các cá nhân này chưa thực hiện ký Biên bản thanh lý Hợp đồng hợp tác kinh doanh đầu tư dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Ao Giời - Suối Tiên.

CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP

Lầu 7, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

26. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Tại 30/06/2023		Trong kỳ		Tại 01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)	Tăng VND	Giảm/Điều chỉnh VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	37.976.136.526	37.976.136.526	700.000.020	1.050.000.020	37.976.136.526	37.976.136.526
a. Vay ngắn hạn ngân hàng	37.976.136.526	37.976.136.526	700.000.020	700.000.020	-	37.976.136.526
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Phú Nhuận (1)	36.576.136.486	36.576.136.486	-	-	-	36.576.136.486
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM (2)	1.400.000.040	1.400.000.040	700.000.020	700.000.020	-	1.400.000.040
b. Vay ngắn hạn tổ chức	-	-	-	350.000.000	350.000.000	-
- Công ty Cổ phần Pomax	-	-	-	350.000.000	350.000.000	-
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	3.849.999.910	3.849.999.910	-	700.000.020	-	4.549.999.930
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM (2)	3.849.999.910	3.849.999.910	-	700.000.020	-	4.549.999.930
Cộng	41.826.136.436	41.826.136.436	700.000.020	1.750.000.040	42.526.136.456	42.526.136.456

Thời hạn

Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc
- Từ 1 năm trở xuống	1.931.303.229	531.303.189	1.400.000.040	2.096.103.689	696.103.649	1.400.000.040
- Trên 1 đến 5 năm	4.454.441.875	604.441.965	3.849.999.910	6.385.745.104	1.135.745.154	5.249.999.950
Cộng	6.385.745.104	1.135.745.154	5.249.999.950	8.481.848.793	1.831.848.803	6.649.999.990



26. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(1) Là khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 57/2021/HĐHM-PN/SHB.130111 ngày 24/05/2021 giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Phú Nhuận và Công ty Cổ phần Golden Paddy (Công ty con). Hạn mức cho vay: 40.000.000.000 đồng, thời hạn vay: 12 tháng, lãi suất vay theo từng Giấy nhận nợ, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động.

Tài sản thế chấp được thể hiện:

- Hợp đồng thế chấp số 58/2021/HĐĐTC-PN/SHB.130111 ngày 24/05/2021 với giá trị Tài sản đảm bảo là 19.748.900.000 đồng, bao gồm: Thế chấp quyền sử dụng đất và Tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại các thửa đất số 88, 101 tờ bản đồ số 25 tại Xã An Hòa, Huyện Châu Thành, An Giang, và thế chấp quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa đất số 99 tờ bản đồ số 25 tại Xã An Hòa, Huyện Châu Thành, An Giang.
- Hợp đồng thế chấp số 59/2021/HĐĐTC-PN/SHB.130111 ngày 24/05/2021 với giá trị Tài sản đảm bảo là 14.498.900.000 đồng, bao gồm: Thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa số 75 tờ bản đồ số 58 tại Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, An Giang.
- Hợp đồng thế chấp số 77/2021/HĐĐTC-PN/SHB.130111 ngày 01/11/2021 với giá trị Tài sản đảm bảo là 16.920.000.000 đồng: Thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa số 81 tờ bản đồ số 58 tại Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, An Giang.
- Phụ lục hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số PL01-57/2021/HĐHM-PN/SHB.130111 với các tài sản thế chấp bao gồm:
  - Thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 88, 99, 101 tờ bản đồ số 25 tại xã An Hòa, Huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.
  - Thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 75, tờ bản đồ số 58 tại xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.
  - Giấy tờ có giá/ Hợp đồng tiền gửi hoặc các bất động sản và động sản (thuộc quyền sở hữu của Bên B/ cổ đông, ban giám đốc/ cha, mẹ, vợ, chồng, con ruột, anh chị em ruột của cổ đông, Ban giám đốc của bên B).

Khoản vay này của Công ty Cổ phần Golden Paddy (Công ty con) đã bị quá hạn chưa thanh toán tại ngày 31/12/2022 là 40.356.249.959 đồng (gốc vay là 36.576.136.486 đồng và lãi vay là 3.780.113.473 đồng). Theo quy định trên các Hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng, Thông báo số 1754/2022/TB-SHB ngày 04/05/2022 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội về việc thu hồi khoản nợ, yêu cầu trả nợ hoặc tự nguyện bàn giao tài sản bảo đảm để xử lý thu hồi nợ và theo Thông báo số 1137/2023/TB-SHB của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội ngày 21/03/2023 về việc xử lý tài sản đảm bảo, toàn bộ các tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đang bị Ngân hàng phong tỏa và đang trong quá trình làm các thủ tục để xử lý tài sản thế chấp theo quy định. Nếu trong trường hợp số tiền Ngân hàng thu được từ việc xử lý các Tài sản thế chấp không đủ để thanh toán cho nghĩa vụ được bảo đảm của Ngân hàng thì Công ty con này phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn thiếu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

26. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 10 - Phải thu khác phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, vào cuối năm 2022, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá toàn bộ số tiền Ngân hàng có thể thu hồi được sau khi Ngân hàng xử lý tài sản cố định đã thế chấp cho khoản vay tối thiểu sẽ đủ đảm bảo cho số dư gốc vay và lãi vay Công ty còn phải trả cho Ngân hàng theo số dư tại ngày 31/12/2022, nên giá trị còn lại của toàn bộ Tài sản cố định này tại ngày 31/12/2022 được Công ty chuyển sang ghi nhận trên khoản mục Phải thu khác là 64.579.058.318 đồng để chờ Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp, và Công ty đã trích lập dự phòng số tiền 24.222.808.359 đồng trên cơ sở giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình và vô hình tại ngày 31/12/2022 là 64.579.058.318 đồng (TSCĐ hữu hình là 5.231.305.198 đồng và TSCĐ vô hình là 59.347.753.120 đồng) trừ đi số dư gốc vay và lãi vay phải trả tại 31/12/2022 là 40.356.249.959 đồng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Tập đoàn cũng không nhận được bất kỳ thông báo nào từ phía Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp cho khoản vay này nên chưa có những điều chỉnh trên Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Tại ngày 30/06/2023, Công ty ghi nhận chi phí lãi vay phải trả tăng thêm trong 6 tháng đầu năm 2023 là 2.389.083.949 đồng, do đó tổng số dư gốc và lãi vay quá hạn chưa thanh toán lũy kế đến ngày 30/06/2023 là 42.745.333.908 đồng (gốc vay là 36.576.136.486 đồng và lãi vay là 6.169.197.422 đồng). Tính đến thời điểm phát hành Báo cáo này tổng nợ gốc và lãi vay phải trả ước tính là 50.842.240.619 đồng.

(2) Khoản vay theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 17/2022/CN.MN-CTTC (Hợp đồng không hủy ngang) ngày 31/03/2022 giữa Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (Công ty con) và Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Giá trị tài sản cho thuê là 11.367.247.492 đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%). Lãi suất cho thuê áp dụng trong thời gian 03 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên, nhưng không quá 30/06/2023 là 7%, định kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên nhưng không thấp hơn sản lãi suất cho thuê tài chính của Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trong từng thời kỳ. Thời hạn cho thuê là 60 tháng kể từ thời điểm nhận nợ. Mục đích sử dụng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp theo dự án/phương án thuê tài chính của Công ty. Địa điểm sử dụng tài sản thuê tại Nhà xưởng của Công ty Cổ phần Dược phẩm Lâm Đồng, Lô BII-1, BII-3, BII-5, BII-7 Khu công nghiệp Phú Hội, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Bên bảo lãnh là Công ty Cổ phần Dược phẩm Lâm Đồng (số ĐKKD: 58000000047 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 04/01/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 08/12/2021) cam kết bảo lãnh thanh toán không hủy ngang cho Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC. Hợp đồng không có tài sản thế chấp và cầm cố.

27. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

Số đầu năm	Từ 01/01/2023		Từ 01/01/2022	
	đến 30/06/2023		đến 30/06/2022	
	VND		VND	
- Tăng trong kỳ	1.331.046.728	-	1.331.046.728	-
- Chi quỹ trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	1.331.046.728		1.331.046.728	



CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP

Lầu 7, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

	Tại 30/06/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	19.170.002.787	18.325.562.138
<b>Cộng</b>	<b>19.170.002.787</b>	<b>18.325.562.138</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là 20%.

29. VỐN CHỦ SỞ HỮU

29.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2022	272.999.900.000	2.889.093.455	(51.821.324.020)	26.579.330.336	250.646.999.771
- Lỗ trong năm	-	-	(103.648.844.408)	(56.226.859.007)	(159.875.703.415)
- Tăng vốn công ty con của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	7.500.000.000	7.500.000.000
Tại 31/12/2022	272.999.900.000	2.889.093.455	(155.470.168.428)	(22.147.528.671)	98.271.296.356
Tại 01/01/2023	272.999.900.000	2.889.093.455	(155.470.168.428)	(22.147.528.671)	98.271.296.356
- Lỗ trong kỳ	-	-	(5.017.151.530)	(2.345.225.652)	(7.362.377.182)
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	2.080.557.698	2.080.557.698
Tại 30/06/2023	272.999.900.000	2.889.093.455	(160.487.319.958)	(22.412.196.625)	92.989.476.872

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**29. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**29.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Cổ đông	Tại 30/06/2023		Tại 01/01/2023	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Ông Ngô Quang Tuấn	10,62%	29.000.000.000	7,69%	21.000.000.000
Bà Đào Thị Thơm	4,77%	13.010.000.000	4,77%	13.010.000.000
Các cổ đông khác	84,61%	230.989.900.000	87,54%	238.989.900.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>272.999.900.000</b>	<b>100%</b>	<b>272.999.900.000</b>

**29.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	272.999.900.000	272.999.900.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	272.999.900.000	272.999.900.000
<b>Cổ tức đã chia</b>	-	-
<b>Cổ tức đã chia bằng cổ phiếu</b>	-	-

**29.4 CỔ PHIẾU**

	Tại 30/06/2023 Cổ phiếu	Tại 01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.299.990	27.299.990
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.299.990	27.299.990
+ Cổ phiếu thường	27.299.990	27.299.990
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.299.990	27.299.990
+ Cổ phiếu thường	27.299.990	27.299.990
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)*

**30. DOANH THU VÀ CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND</b>
<b>a. Tổng Doanh thu</b>	<b>1.514.258.636</b>	<b>317.065.391.366</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	217.586.014	171.128.535.245
- Doanh thu bán thành phẩm	-	91.650.628.325
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.296.672.622	54.286.227.796
<b>Trong đó, Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>1.275.000.000</b>	<b>232.572.933.644</b>
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư	50.000.000	-
- Công ty Cổ phần Pomax	25.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	-	129.372.246.374
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice (trước đây là Công ty TNHH MTV Louis Rice)	-	97.129.531.803
- Công ty Cổ phần Louis Land (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thụ)	-	98.787.880
- Công ty Cổ phần Louis Holdings	-	723.535.353
- Công ty TNHH Lương thực Angimex	-	452.214.320
- Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)	1.200.000.000	1.412.121.211
- Công ty TNHH Thương Mại Louis Angimex	-	3.126.877.500
- Công ty TNHH MTV Chế biến Lương Thực Angimex	-	257.619.203
<b>b. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>24.733.976</b>	<b>3.892.200</b>
- Chiết khấu thương mại	24.733.976	3.892.200
<b>c. Doanh thu thuần</b>	<b>1.489.524.660</b>	<b>317.061.499.166</b>

**31. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND</b>
Giá vốn bán hàng hóa	151.278.181	179.856.539.555
Giá vốn bán thành phẩm	-	82.793.584.849
Giá vốn cung cấp dịch vụ	995.935.043	52.306.969.779
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.045.291.651	1.045.291.649
<b>Cộng</b>	<b>2.192.504.875</b>	<b>316.002.385.832</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)*

**32. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND</b>
Lãi tiền gửi	16.853.985	3.123.815
Lãi cho vay	9.978.424	786.054.855
Lãi chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh	-	22.404.480.000
<b>Cộng</b>	<b>26.832.409</b>	<b>23.193.658.670</b>

**33. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND</b>
Chi phí lãi vay	2.737.201.077	2.164.237.712
Phí giao dịch chứng khoán	-	209.977.019
<b>Cộng</b>	<b>2.737.201.077</b>	<b>2.374.214.731</b>

**34. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND</b>
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>176.791.568</b>	<b>87.029.984</b>
- Chi phí nhân công	144.166.059	-
- Chi phí công cụ, dụng cụ	290.000	1.871.600
- Thuế, phí và lệ phí	-	14.100.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.335.509	71.058.384
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>(133.420.957)</b>	<b>37.222.524.684</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	2.313.865.505	1.793.656.962
- Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	171.699.606	46.318.541
- Chi phí khấu hao TSCĐ	140.825.196	1.076.139.585
- Thuế, phí và lệ phí	17.014.900	14.000.000
- Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	459.528.116	657.180.919
- Chi phí trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(5.621.987.544)	28.836.364.201
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.173.237.204	4.710.033.875
- Chi phí bằng tiền khác	212.396.060	88.830.601



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)*

**35. THU NHẬP KHÁC**

	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND</b>
Thu nhập từ thanh lý Tài sản cố định	-	4.629.630
Thu nhập khác	1.955.461	3
<b>Cộng</b>	<b>1.955.461</b>	<b>4.629.633</b>

**36. CHI PHÍ KHÁC**

	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND</b>
Chi phí khác liên quan các TSCĐ đã bị thu hồi do thế chấp cho khoản vay của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Louis Rice tại Ngân hàng	-	389.877.484
Phạt vi phạm hành chính	-	292.500.000
Phạt chậm nộp, hành chính thuế	25.159	51.900
Chi phí khác	75.019.563	681.818
<b>Cộng</b>	<b>75.044.722</b>	<b>683.111.202</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**37. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(6.517.936.533)</b>	<b>(12.945.721.084)</b>
<b>Điều chỉnh lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(2.171.461.268)</b>	<b>29.357.342.029</b>
<b>- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế</b>	<b>8.650.741.973</b>	<b>25.325.381.088</b>
+ Chi phí không được trừ	390.504.335	5.154.066
+ Nộp phạt vi phạm hành chính, thuế	25.159	292.551.900
+ Chi phí trích lập dự phòng bị loại	14.052.500	-
+ Chi phí khác liên quan các TSCĐ đã bị thu hồi do thế chấp cho khoản vay	-	389.877.484
+ Chi phí dự phòng giảm giá HTK không được trừ	1.045.291.651	1.045.291.649
+ Chi phí lãi vay không được trừ	3.753.212.434	2.073.887.621
+ Phần lỗ trong công ty liên kết	2.988.127.778	-
+ Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	459.528.116	657.180.919
+ Chi phí khấu hao TSCĐ không được trừ	-	1.189.529.709
+ Điều chỉnh tăng khác	-	19.671.907.740
<b>- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế</b>	<b>(10.822.203.241)</b>	<b>4.031.960.942</b>
+ Phần lãi trong công ty liên kết	-	(3.163.757.880)
+ Hoàn nhập dự phòng khoản đầu tư các Công ty con	(4.222.203.241)	7.295.718.822
+ Hoàn nhập chi phí dự phòng phải thu khi tính thuế	(6.600.000.000)	-
+ Điều chỉnh giảm khác	-	(100.000.000)
<b>Tổng thu nhập tính thuế trong kỳ</b>	<b>(8.689.397.801)</b>	<b>16.411.620.945</b>
Thu nhập tính thuế với thuế suất 20%	-	16.411.620.945
<b>Cộng thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>69.143.399</b>

**38. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	844.440.649	1.459.143.764
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>844.440.649</b>	<b>1.459.143.764</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**39. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>(5.017.151.530)</b>	<b>41.752.850.761</b>
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	27.299.990	27.299.990
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>(184)</b>	<b>1.529</b>

**40. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>(5.017.151.530)</b>	<b>41.752.850.761</b>
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	27.299.990	27.299.990
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (CP)	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>(184)</b>	<b>1.529</b>

**41. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND</b>
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	134.970.454	-
Chi phí nhân công	2.460.951.564	1.793.656.962
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.174.211.334	3.247.938.554
Thuế, phí và lệ phí	11.014.900	8.000.000
Chi phí dự phòng	(4.576.695.893)	28.844.607.015
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.348.641.894	4.761.132.251
Chi phí bằng tiền khác	94.363.610	29.814.376
<b>Cộng</b>	<b>1.647.457.863</b>	<b>38.685.149.158</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP**

Lầu 7, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến 30/06/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**42. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh:

**Cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023**

	Hoạt động thương mại (bán hàng hóa, nhà xưởng, máy móc thiết bị, bất động sản)	Hoạt động bán thành phẩm	Hoạt động cung cấp dịch vụ, cho thuê tài sản	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	217.586.014	(24.733.976)	1.296.672.622	1.489.524.660
Giá vốn bộ phận	(1.196.569.832)	-	(995.935.043)	(2.192.504.875)
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>(978.983.818)</b>	<b>(24.733.976)</b>	<b>300.737.579</b>	<b>(702.980.215)</b>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(43.370.611)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(746.350.826)
Doanh thu hoạt động tài chính				26.832.409
Chi phí tài chính				(2.737.201.077)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				(2.988.127.778)
Thu nhập khác				1.955.461
Chi phí khác				(75.044.722)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(844.440.649)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>(7.362.377.182)</b>
<b>Tổng Tài sản</b>				<b>242.272.052.258</b>
<b>Tổng Nợ phải trả</b>				<b>149.282.575.386</b>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ - tài sản bộ phận dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ	444.990.000	-	50.000.000	494.990.000
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn khác	119.334.653	-	1.475.595.391	1.594.930.044



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

42. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Hoạt động thương mại (bán hàng hóa, nhà xưởng, máy móc thiết bị)	Hoạt động bán thành phẩm	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	171.124.643.045	91.650.628.325	54.286.227.796	317.061.499.166
Giá vốn bộ phận	(180.901.831.204)	(82.793.584.849)	(52.306.969.779)	(316.002.385.832)
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>(9.777.188.159)</b>	<b>8.857.043.476</b>	<b>1.979.258.017</b>	<b>1.059.113.334</b>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(37.309.554.668)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(36.250.441.334)
Doanh thu hoạt động tài chính				23.193.658.670
Chi phí tài chính				(2.374.214.731)
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				3.163.757.880
Thu nhập khác				4.629.633
Chi phí khác				(683.111.202)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(69.143.399)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(1.459.143.764)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>(14.474.008.247)</b>
<b>Tổng Tài sản</b>				<b>405.798.586.389</b>
<b>Tổng Nợ phải trả</b>				<b>162.125.594.864</b>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ - tài sản bộ phận dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ	-	-	79.856.300.000	79.856.300.000
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn khác	-	511.343.320	2.886.838.740	3.398.182.060

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)*

**43. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Angimex Furious	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Pomax	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Công nghiệp Tân Vinh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển 299	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt
Chi nhánh Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
Công ty Cổ phần Louis Holdings	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
Công ty Cổ phần Louis Land (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thụ)	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
Công ty TNHH MTV Louis Rice (nay là Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice)	Công ty cùng tập đoàn và Công ty nhận đầu tư
Công ty TNHH MTV Louis Rice Long An	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Louis Rice AG	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Louis Rice Đồng Tháp	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Lương thực Angimex	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Chế biến Lương Thực Angimex	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Xây dựng Trường Giang	Người có liên quan của thành viên lãnh đạo chủ chốt
Công ty TNHH Thương Mại Louis Angimex	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Golden Paddy SG	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
Ông Lê Quang Nhuận	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
Ông Đỗ Thành Nhân	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
Ông Nguyễn Cảnh Dinh	Nguyên Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty
Bà Nguyễn Thị Đông	Nguyên Trưởng Ban kiểm soát
Ông Phùng Văn Xuân	Nguyên Tổng Giám đốc Công ty
Ông Vũ Anh Sinh	Nguyên Tổng Giám đốc Công ty
Ông Vũ Ngọc Long	Ban Giám đốc Công ty con
Ông Ngô Thục Vũ	Tổng Giám đốc Công ty
Bà Trịnh Thị Thúy Linh	Người có liên quan của thành viên lãnh đạo chủ chốt
Bà Từ Thị Hồng Thanh	Tổng Giám đốc Công ty con
Bà Ngô Thị Như Phượng	Người liên quan của thành viên lãnh đạo chủ chốt
Bà Mai Thị Kim Phượng	Kế toán trưởng Công ty con (Đã miễn nhiệm)
Bà Võ Trịnh Ngân Giang	Giám đốc Công ty con
Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Phó Giám đốc Công ty con
Ông Trần Minh Tài	Thành viên lãnh đạo chủ chốt Công ty con

Trong kỳ, các giao dịch và số dư của Công ty với các bên liên quan cụ thể như sau:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**43. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Giao dịch với các bên liên quan	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
<b>1. Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư</b>		
- Thu tiền bán hàng	55.000.000	-
- Cung cấp dịch vụ tư vấn	50.000.000	-
<b>2. Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)</b>		
- Cung cấp dịch vụ cho thuê xe ô tô	1.200.000.000	1.412.121.211
- Nhận thanh toán từ việc cung cấp dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị (bao gồm bù trừ công nợ)	987.470.833	1.545.354.839
- Thanh toán tiền mua máy móc thiết bị thanh lý	169.774.936	6.205.354.839
<b>3. Chi nhánh Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)</b>		
- Thanh toán mua tiền hàng	33.695.897	46.156.588
- Mua hàng hóa	-	31.199.904
<b>4. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang</b>		
- Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	65.880.311.050
- Mua hàng hóa	-	12.500.000
- Thanh toán tiền chuyển nhượng cổ phần	-	32.500.000.000
<b>5. Công ty Cổ phần Louis Land (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư)</b>		
- Cung cấp dịch vụ cho thuê xe ô tô	-	98.787.880
- Nhận thanh toán từ việc cung cấp DV cho thuê xe	-	97.800.003
- Chi phí thuê văn phòng	-	375.636.364
- Trả tiền thuê văn phòng	77.200.000	255.000.000
<b>6. Công ty TNHH MTV Louis Rice (nay là Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice)</b>		
- Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	68.099.525.000
- Mua hàng hóa, dịch vụ	-	18.022.920.000
- Cho vay	-	6.300.000.000
- Thu lại tiền cho vay	-	5.810.000.000
- Lãi vay	-	56.288.219
- Thu tiền lãi vay	-	16.027.397
- Nhận tiền cổ tức được chia	-	238.573.967
<b>7. Công ty TNHH MTV Louis Rice Long An</b>		
- Mua hàng hóa	-	1.603.350.000
- Thanh toán tiền mua hàng hóa	-	1.603.350.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**43. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
<b>8. Công ty TNHH MTV Louis Rice Đồng Tháp</b>		
- Mua hàng hóa	-	165.490.750
- Thanh toán tiền mua hàng hóa	-	165.490.750
<b>9. Công ty Cổ phần Louis Holdings</b>		
- Chuyển nhượng chứng khoán	-	68.900.000.000
- Thu tiền chuyển nhượng	-	68.900.000.000
- Chi phí lãi tiền vay	-	276.016.439
- Trả lãi tiền vay	-	276.016.439
- Vay tiền	-	39.450.000.000
- Trả tiền vay	-	39.450.000.000
- Chi phí dịch vụ tư vấn	-	3.000.000.000
- Thanh toán phí dịch vụ tư vấn	-	3.300.000.000
- Cung cấp dịch vụ cho thuê xe ô tô	-	723.535.353
- Nhận thanh toán từ việc cung cấp DV cho thuê xe	-	910.000.000
- Chi phí thuê văn phòng	180.000.000	-
- Thanh toán đặt cọc thuê văn phòng	60.000.000	-
- Thanh toán tiền thuê văn phòng	60.000.000	-
<b>10. Công ty Cổ phần Pomax</b>		
- Thu tiền bán hàng	27.500.000	-
- Cung cấp dịch vụ tư vấn	25.000.000	-
- Mua hàng hóa	1.599.424.512	-
- Thanh toán tiền hàng	1.116.691.689	-
- Cho vay	2.900.000.000	-
- Thu tiền gốc cho vay	1.400.000.000	-
- Lãi cho vay	4.602.740	-
- Thu tiền lãi cho vay	4.602.740	-
- Vay	350.000.000	-
- Thanh toán tiền gốc vay	350.000.000	-
- Chi phí lãi vay	3.682.192	-
- Chi phí lãi vay đã trả	3.682.192	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	675.000.000	-
<b>11. Công ty TNHH Lương thực Angimex</b>		
- Mua hàng hóa	-	14.652.628.690
- Thanh toán tiền mua hàng hóa	-	14.652.628.690
<b>12. Công ty TNHH MTV Louis Rice AG</b>		
- Mua hàng hóa	-	92.115.250
- Thanh toán tiền mua hàng hóa	-	92.115.250
<b>13. Công ty TNHH Thương Mại Louis Angimex</b>		
- Bán hàng hóa	-	3.126.877.500
- Thu tiền bán hàng hóa	-	3.126.877.500
- Mua hàng hóa	3.125.000	-
- Thanh toán tiền mua hàng	3.281.250	-
<b>14. Công ty Cổ phần Golden Paddy SG</b>		
- Mua hàng hóa	-	36.292.000.000
<b>15. Ông Ngô Quang Tuấn</b>		
- Nhận chuyển nhượng cổ phần	3.300.000.000	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)*

**43. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

<b>Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND</b>
<b>16. Ông Võ Kim Nguyên</b>		
- Tạm ứng	550.745	-
- Thu hồi tạm ứng	3.550.745	-
<b>17. Ông Vũ Anh Sinh</b>		
- Cho vay	-	445.000.000
- Thu lại tiền cho vay	-	445.000.000
- Lãi vay	-	877.808
- Thu tiền lãi vay	-	877.808
- Tạm ứng	66.753.500	31.362.983.561
- Thu hồi tạm ứng	46.753.500	31.362.983.561
<b>18. Bà Trịnh Thị Thúy Linh</b>		
- Tạm ứng	-	2.500.000.000
- Thu hồi tạm ứng	-	2.500.000.000
<b>19. Bà Từ Thị Hồng Thanh</b>		
- Hoàn tạm ứng	-	10.350.000.000
- Trả tiền mượn	-	2.795.000.000
<b>20. Bà Nguyễn Thị Trúc Linh</b>		
- Tạm ứng	14.361.000	-
- Thu hồi tạm ứng	4.361.000	-
<b>21. Ông Vũ Ngọc Long</b>		
- Nhận góp vốn	-	7.500.000.000
- Nhận tiền mượn	26.000.000	-
<b>22. Ông Lê Quang Nhuận</b>		
- Nhận chuyển nhượng nhà và quyền sử dụng đất	-	78.000.000.000
- Thanh toán tiền nhận chuyển nhượng nhà và quyền sử dụng đất	-	78.000.000.000
<b>23. Bà Mai Thị Kim Phượng</b>		
- Tạm ứng	-	125.000.000
- Thu hồi tạm ứng	-	49.825.000.000
- Nhận thanh toán khoản phải trả khác	680.000.000	-
- Thù lao cộng tác viên	5.000.000	-
- Thanh toán thù lao cộng tác viên	5.000.000	-
<b>24. Bà Võ Trịnh Ngân Giang</b>		
- Hoàn ứng	-	1.135.100.000
- Mượn tiền	-	150.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**43. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

<b>Số dư với các bên liên quan</b>	<b>Tại 30/06/2023 VND</b>	<b>Tại 01/01/2023 VND</b>
<b>1. Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)</b>		
- Phải trả người bán	-	169.774.936
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	332.529.167	-
<b>2. Chi nhánh Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)</b>		
- Phải trả người bán	-	33.695.897
<b>3. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang</b>		
- Phải thu khách hàng	871.832.257	871.832.257
<b>4. Công ty Cổ phần Louis Land (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư)</b>		
- Phải trả người bán	200.000.000	277.200.000
<b>5. Công ty TNHH MTV Louis Rice (nay là Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice)</b>		
- Phải thu khách hàng	3.351.594.049	3.351.594.049
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	7.193.000.000	7.193.000.000
- Phải thu gốc cho vay	-	490.000.000
- Phải thu lãi cho vay	-	40.260.822
<b>6. Công ty TNHH MTV Louis Rice Long An</b>		
- Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.022.920.000	18.022.920.000
- Phải trả người bán	18.022.920.000	18.022.920.000
<b>7. Công ty Cổ phần Louis Holdings</b>		
- Trả trước cho người bán	60.000.000	-
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	65.000.000	65.000.000
- Đặt cọc tiền thuê văn phòng	60.000.000	-
<b>8. Công ty TNHH Lương thực Angimex</b>		
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	113.898.960	113.898.960
<b>9. Công ty TNHH MTV Chế biến Lương Thực Angimex</b>		
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	278.228.739	278.228.739
<b>10. Công ty Cổ phần Golden Paddy SG</b>		
- Phải trả người bán	46.439.759.105	46.439.759.105
<b>11. Công ty Cổ phần Pomax</b>		
- Phải thu khác	675.000.000	-
- Phải trả người bán	237.050.738	-
<b>12. Bà Từ Thị Hồng Thanh</b>		
- Phải thu khác	45.000.000.000	45.000.000.000
- Tạm ứng	30.045.000.000	30.045.000.000
<b>13. Ông Võ Kim Nguyên</b>		
- Tạm ứng	-	3.000.000
<b>14. Ông Đỗ Thành Nhân</b>		
- Vốn góp tại Công ty con	13.627.000.000	13.627.000.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**43. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Số dư với các bên liên quan (tiếp)	Tại 30/06/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
<b>15. Ông Vũ Ngọc Long</b>		
- Vốn góp tại Công ty con	7.600.000.000	7.600.000.000
<b>16. Ông Lê Quang Nhuận</b>		
- Vốn góp tại Công ty con	1.200.000.000	1.200.000.000
<b>17. Ông Võ Ngọc Long</b>		
- Phải trả khác	26.000.000	-
<b>18. Bà Nguyễn Thị Trúc Linh</b>		
- Tạm ứng	10.000.000	-
<b>19. Bà Võ Trịnh Ngân Giang</b>		
- Phải trả khác	150.000.000	150.000.000
<b>20. Bà Mai Thị Kim Phụng</b>		
- Phải trả khác	-	680.000.000
<b>Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND</b>
- Ông Nguyễn Mai Long	-	378.428.568
- Ông Trịnh Văn Bảo	-	215.487.334
- Ông Ngô Thục Vũ	-	592.973.142
- Ông Vũ Anh Sinh	48.000.000	117.200.000
- Ông Võ Kim Nguyên	454.280.000	-
- Bà Lâm Hồng Phụng	7.526.000	-
<b>Cộng</b>	<b>509.806.000</b>	<b>1.304.089.044</b>

**44. THÔNG TIN KHÁC**

**44.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

Ngày 22/01/2024, Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (“Ladophar”) gửi Công văn số 06/CV-LDP/2024 yêu cầu Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (Công ty con) thanh toán chi phí sửa chữa và bảo dưỡng lớn năm 2022 và năm 2023 cho các tài sản mà Ladophar đang thuê hoạt động từ Công ty với tổng số tiền là 483.325.000 đồng bằng hình thức cản trừ công nợ. Theo Công văn số 2501/2024/CV-AMC ngày 25/01/2024, Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (Công ty con) đã phản hồi không đồng ý việc thanh toán chi phí nêu trên. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, hai bên chưa có văn bản thỏa thuận thống nhất cuối cùng về việc Công ty có nghĩa vụ thanh toán khoản chi phí nêu trên hay không.

Ngoài ra, không có khoản nợ tiềm tàng nào khác phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)*

**44. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**44.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo Thông báo số 5507/TB-SGDHN ngày 22/12/2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổ phiếu của Công ty bắt đầu giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 29/12/2023. Trước đó, cổ phiếu của Công ty đã bị hủy niêm yết và bị đình chỉ giao dịch.

Ngày 27/02/2024, Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (Công ty con) đã ký hợp đồng chuyển nhượng bất động sản đầu tư là nhà ở và quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 678 Kinh Dương Vương, Khu phố 1, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Tp.HCM cho Ông Nguyễn Xuân Hòa với giá bán là 30 tỷ đồng, giá đã mua ban đầu là 78,39 tỷ đồng. Do đó, vào cuối năm 2022, Tập đoàn đã đánh giá và ghi nhận giảm nguyên giá Bất động sản đầu tư này số tiền 48,39 tỷ đồng vào Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và 30/06/2023. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, các bên đã hoàn thành việc chuyển quyền sở hữu sang tên cho Ông Nguyễn Xuân Hòa và Khách hàng này đã thanh toán số tiền 22 tỷ đồng.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty số 07/2024/TGG/HĐQT-NQ ngày 03/06/2024, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc thoái toàn bộ vốn tại các Công ty con sau: Công ty Cổ phần Golden Paddy, Công ty TNHH MYT Thu mua Phụ phẩm PBP và Công ty TNHH MTV kho vận Wings Global, dự kiến thời gian thực hiện trong năm 2024. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty đã thoái vốn tại Công ty TNHH MTV Thu mua Phụ phẩm PBP và Công ty Cổ phần Golden Paddy.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty số 10/2024/TGG/HĐQT-NQ ngày 17/07/2024 và Nghị quyết số 13/2024/TGG/HĐQT-NQ ngày 27/09/2024 sửa đổi Điều 1 Nghị quyết số 10, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc thoái toàn bộ vốn tại Công ty con - Công ty Cổ phần HB Pharma dự kiến thời gian thực hiện trong năm 2024. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty đang trong quá trình thực hiện thoái vốn tại Công ty con này.

Theo Quyết định số 14/2024/TGG/HĐQT-NQ của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 11/10/2024, Công ty đã quyết định chấm dứt hoạt động của 03 Chi nhánh, cụ thể: Chi nhánh Công ty Cổ phần Louis Capital - Trang trại Hòa Bình, Chi nhánh Phú Thọ - Công ty Cổ phần The Golden Group, Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần The Golden Group.

Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định, không có bất kỳ sự kiện nào khác phát sinh có ảnh hưởng trọng yếu đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)*

**44. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**44.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Doanh thu hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn bị thu hẹp đáng kể, kết quả kinh doanh bị lỗ qua các năm, khoản lỗ phát sinh trong kỳ là 5.017.151.530 đồng và tại ngày 30/06/2023 khoản lỗ lũy kế là 160.487.319.958 đồng, khoản nợ ngắn hạn của Tập đoàn số dư là 122.533.394.221 đồng đã vượt quá tài sản ngắn hạn số dư là 73.714.076.613 đồng, đồng thời trong kỳ một số Công ty con đã tạm ngưng kinh doanh. Đây là các yếu tố có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Ban Lãnh đạo Tập đoàn đã và đang tái cơ cấu lại các khoản đầu tư không hiệu quả và đầu tư mở rộng vào lĩnh vực kinh doanh mới nhằm bổ sung nguồn vốn lưu động cũng như cải thiện kết quả kinh doanh của Tập đoàn. Ban Lãnh đạo Tập đoàn tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 được Tập đoàn lập trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Ngoài ra, không có bất kỳ sự kiện nào khác gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**44.4 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tập đoàn đã được kiểm toán và số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Tập đoàn chưa được soát xét.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2025*

**Người lập biểu**



**Trần Thị Thanh Loan**

**Quyền Kế toán trưởng**



**Trần Thị Thanh Loan**

**Tổng Giám đốc**



**Lý Thanh Nhã**